



## **LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP**

***ĐỀ TÀI: “Quản lý thu thu thuế xuất  
nhập khẩu tại Chi Cục Hải quan Cửa  
khẩu Cảng (Cửa Lò, Nghệ An).”***

## LỜI MỞ ĐẦU

Đứng thứ 6, thứ 7 trong các tỉnh có nguồn thu thuế xuất nhập khẩu nộp ngân sách lớn nhất cả nước (sau Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng ...), Nghệ An đang cố gắng đẩy mạnh quy trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá công tác thu và quản lý thu thuế theo định hướng phát triển của đất nước.

Tỉnh Nghệ An có địa hình núi cao và biển khá phức tạp, gây khó khăn trong công tác kiểm tra giám sát, và cũng đang là vấn đề đặt ra đối với các cơ quan quản lý thu thuế của tỉnh khi tình hình buôn lậu, gian lận thương mại có khả năng xảy ra lớn.

Được thành lập từ năm 1983, Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Cửa Lò, Nghệ An \_ một trong 3 đơn vị có thu của Cục Hải quan Nghệ An ra đời khá muộn sau Cục Hải quan Nghệ An 27 năm, Hải quan Việt Nam 38 năm. Đến nay Chi Cục đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Chuyên đề “**Quản lý thu thuế xuất nhập khẩu tại Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng (Cửa Lò, Nghệ An)**” là báo cáo phản ánh về kết quả đạt được, những khó khăn thách thức của Chi Cục Hải Quan Cửa khẩu Cảng Nghệ An trong thời gian trong những năm trở lại đây.

Chuyên đề nghiên cứu những vấn đề cơ bản sau:

- Hệ thống hoá thuế xuất nhập khẩu, biểu thuế xuất nhập khẩu, các quy trình công tác quản lý thu thuế
- Thực tế thu thuế tại Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng
- Một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của quá trình quản lý thu thuế

Theo đó, Chuyên đề bao gồm 3 phần:

Chương I. Tổng quan về thuế xuất nhập khẩu và công tác quản lý thuế

Chương định nghĩa rõ về thuế xuất nhập khẩu, đặc điểm, các định hướng của Đảng và Chính phủ về công tác thu và quá trình quản lý thuế xuất nhập khẩu đang áp dụng tại Việt Nam

Chương II. Thực trạng quản lý thu thuế tại Chi Cục Hải quan Cửa Khẩu Cảng (Cửa Lò, Nghệ An)

Nội dung bao gồm: kết quả đạt được cũng như những khó khăn, thách thức của Chi Cục Hải quan Cửa Khẩu Cảng trong thời gian qua.

Chương III. Một số giải pháp hoàn thiện thu thuế

Nội dung chương bao gồm: các định hướng, giải pháp cũng như điều kiện để thực hiện các kiến nghị giúp nâng cao hiệu quả đạt được của công tác quản lý thu thuế tại Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng.

Chuyên đề sử dụng phương pháp luận nghiên cứu duy vật biện chứng, duy vật lịch sử để nghiên cứu quy trình quản lý thu theo tiến trình phát triển của lịch sử, tăng hiệu quả những cơ sở, phân hệ nhỏ nhất của hệ thống quản lý thu thuế trên khắp cả nước

Trong quá trình thực hiện chuyên đề gặp rất nhiều khó khăn trong công tác thu thập cũng như xử lý dữ liệu. Tôi xin chân thành cảm ơn Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Nghệ An đã cung cấp tài liệu và sự giúp đỡ nhiệt tình của cô Nguyễn Thị Ngọc Huyền để hoàn thành tốt Chuyên đề này.

# 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THU THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

## 1.1. Thuế xuất nhập khẩu

### 1.1.1. Khái niệm và lịch sử phát triển

Thuế xuất nhập khẩu hay còn gọi là thuế quan là một biện pháp tài chính mà các nước dùng để can thiệp vào hoạt động ngoại thương, buôn bán, dịch vụ của các quốc gia.

Thuế quan \_ một trong hai loại hình thuế của nhà nước (thuế xuất nhập khẩu và thuế áp dụng cho thị trường trong nước), là một trong những công cụ điều tiết các hoạt động kinh tế khá hiệu quả. Đặc biệt, trong thời kì khoảng cuối những năm 30 của thế kỉ XX, khi học thuyết bàn tay hữu hình được Kenney đưa ra thì thái độ, quan điểm và việc sử dụng thuế quan của chính phủ đối với hàng hoá trong hoạt động ngoại thương, buôn bán thực sự được coi trọng.

Trong đề tài “hoàn thiện công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam”, tác giả \$\$\$\$\$\$ chia thời kì phát triển của thuế thành nhiều giai đoạn của lịch sử: thời kì cổ đại; buổi bình minh của chủ nghĩa tư bản; giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền; thời kì chiến tranh thế giới thứ nhất, và sau chiến tranh thế giới thứ II. Với mỗi mốc lịch sử là mỗi biến động trong tình hình kinh tế, chính trị, cũng như quan điểm sử dụng thuế của các cá nhân, thành phần xã hội. Còn theo cá nhân tôi, tôi xin chia quá trình phát triển của loại thuế này thành 3 giai đoạn: sơ khai; phát triển và hoàn thiện về cả học thuyết, quan điểm và việc sử dụng thuế quan đối với hàng hoá lưu thông trong hoạt động ngoại thương; và xu hướng Chính phủ các nước sử dụng công cụ thuế quan hiện nay.

Thuế quan ra đời cùng với sự ra đời của nền sản xuất và trao đổi hàng hoá. Trong nền kinh tế tự cung tự cấp, các cá nhân tự sản xuất ra các sản phẩm, không có hoạt động trao đổi hàng hoá, hay thời kì này không có thuế xuất nhập khẩu. Khi nền kinh tế hàng hoá phát triển, hoạt động trao đổi buôn bán phát triển nhanh hơn. Thuế quan xuất hiện. Theo ghi chép, tại Trung

Quốc vào khoảng năm 770 trước công nguyên, thời xuân thu đã có nhưng hình thái ban đầu của thuế quan. Thời kỳ sơ khai của thuế quan bắt đầu từ chế độ chiếm hữu nô lệ đến cuối chế độ phong kiến. Thuế quan trong giai đoạn này chưa thực sự được coi trọng, bởi hoạt động ngoại thương còn ít, chưa có học thuyết, và các nhà nước sơ khai này chỉ coi nó là một công cụ thu cho ngân khố. Cuối thế kỉ thứ X - XVII sau công nguyên, hoạt động ngoại thương phát triển mạnh, thuế quan thu về cho ngân sách hàng năm là rất lớn. Chế độ phong kiến bắt đầu mở rộng nguồn thu thuế của mình. Ví dụ, triều đình thời Gia Long đã mở rộng thu thuế không chỉ ở đất liền mà thu thuế vận chuyển qua quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Giai đoạn phát triển và hoàn thiện về cả học thuyết, quan điểm và việc sử dụng thuế quan đối với hàng hoá lưu thông trong hoạt động ngoại thương bắt đầu từ buổi bình minh của chế độ chủ nghĩa tư bản đến chiến tranh thế giới thứ II. Trong giai đoạn này các quan điểm về thuế có nhiều thay đổi.

Buổi bình minh của chủ nghĩa tư bản, các quan điểm về thuế lúc này chịu ảnh hưởng rất lớn của tư tưởng “bàn tay vô hình” của Adam Smith. Chính vì vậy, người ta coi thuế quan là một công cụ ngăn cản sự phát triển của hoạt động ngoại thương, và đấu tranh đòi chính phủ xoá bỏ hàng rào thuế quan.

Giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, hầu hết các nước tư bản đều coi đây là một công cụ nhằm chiếm lấy ưu thế độc quyền trên thị trường. Công cụ thuế quan trở thành hàng rào ngăn cản sự ra nhập thị trường của các doanh nghiệp. Không có bất kì một sự bảo hộ sản xuất nào cho các doanh nghiệp trong thời gian này.

Thời kì chiến tranh thế giới thứ nhất, thuế quan được coi là công cụ quan trọng của nhà nước dùng để điều chỉnh hoạt động ngoại thương, nhằm “thăng bằng” sự thiếu hụt trong cán cân thương mại do bội chi ngân sách trong cuộc tham chiến gây ra.

Sau cuộc tham chiến, các nước lâm vào tình cảnh mất cân đối kinh tế, cũng như sự tan rã của hoạt động buôn bán sau chiến tranh, các cuộc khủng hoảng đã mang tính chu kì. Vào cuối những năm 30, học thuyết “bàn tay hữu hình” của Keney ra đời, công cụ thuế quan trở thành một công cụ kinh tế quan trọng kết hợp với các công cụ khác như hạn mức ngoại tệ trong thanh toán, hạn ngạch xuất nhập khẩu, quy định danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu ... tạo thành hàng rào hiệu quả đối với việc bảo hộ nền sản xuất trong nước sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

Hệ thống thuế quan hoàn thiện từ sau chiến tranh thế giới thứ II, với quan điểm “hai bàn tay” của nhà lý luận Sammuoen .

Ngày nay, với sự trao đổi mang tính toàn cầu, sự phát triển nhanh chóng của kinh tế các nước phát triển đã tạo nên sự ổn định trong buôn bán, cũng như sự thống nhất ra đời hệ thống ngân hàng quốc tế. Xu thế từ bỏ hàng rào thuế quan của các nước phát triển ngày càng trở nên rõ nét (các nước tham gia hiệp định GATT). Còn tại các nước đang phát triển (thế giới thứ III) thì công cụ thuế quan vẫn được coi trọng, bởi 2 lý do chính: Thứ nhất, nền công nghiệp của các nước còn chưa đủ khả năng cạnh tranh; Thứ 2, nguồn thu các nước này thì eo hẹp trong khi đó nhu cầu chi tiêu của chính phủ ngày càng lớn.

Có thể thấy, công cụ thuế xuất nhập khẩu (thuế quan) trải qua quá trình sơ khai, phát triển và hoàn thiện trở thành một công cụ đắc lực cùng với các công cụ khác của chính phủ nhằm giảm thiểu những biến động thị trường bất lợi. Các nước hiện nay có xu hướng chung là dần xoá bỏ hàng rào thuế quan; đặc biệt là ở các nước phát triển thì mục tiêu bảo hộ nền sản xuất trong nước bằng công cụ thuế quan càng ít được đặt ra.

### ***1.1.2. Mục tiêu của thuế xuất nhập khẩu***

Trong tiến trình phát triển của lịch sử cũng như tình hình kinh tế chính trị ở mỗi nước, các chính phủ thường sử dụng thuế quan vào 3 mục tiêu chính sau:

a) Mục tiêu ngân khố

Ngày nay, các nước sử dụng thuế quan với mục tiêu ngân khố thường là những nước đang phát triển hoặc kém phát triển. Với việc mở rộng hoạt động ngoại thương cho phép tự do không hạn chế việc xuất nhập khẩu hàng hoá. Hay là làm sao thu được tối đa nguồn tài chính do ngoại thương mang lại tập trung vào Ngân sách Nhà nước

b) Mục tiêu bảo hộ nền sản xuất trong nước

Là việc sử dụng thuế quan như một rào cản giúp cho các ngành nghề, sản phẩm trong nước có điều kiện thuận lợi phát triển, tránh được những thách thức do cạnh tranh quá lớn ở thị trường trong nước khi ngành nghề đó mới phát triển và còn yếu

Giống như mục tiêu ngân khố, mục tiêu bảo hộ nền sản xuất trong nước của thuế quan chủ yếu sử dụng ở các nước đang phát triển và kém phát triển. Đây là một thách thức khá lớn đối với các nước này bởi mục tiêu bảo hộ nền sản xuất thường mâu thuẫn với mục tiêu ngân khố. Nó đòi hỏi sự khôn khéo, linh hoạt sử dụng công cụ thuế quan của Chính phủ các nước.

c) Mục tiêu kiểm soát hoạt động ngoại thương

Hoạt động ngoại thương của Chính phủ được kiểm soát bởi nhiều công cụ trong đó quan trọng nhất là thuế quan. Thông qua công cụ thuế quan nhà nước có thể kiểm soát được các loại hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, các biện pháp khuyến khích đối với hàng hoá có lợi và cấm hoặc hạn chế những mặt hàng có hại cho quá trình phát triển kinh tế xã hội

***1.1.3. Các đặc điểm của thuế xuất nhập khẩu***

- Thuế xuất nhập khẩu chỉ đánh vào những loại hàng hoá được phép xuất hoặc nhập khẩu qua biên giới một nước kể cả khi hàng hoá đó đưa vào khu chế xuất và từ khu chế xuất đưa vào tiêu thụ trong nước

- Thuế xuất khẩu là một loại thuế gián thu, mà người chịu thuế là người tiêu dùng, và nhà sản xuất đóng thuế

- Thuế xuất nhập khẩu là một nguồn thu cho ngân sách khá ổn định bởi nó tăng lên tỉ lệ thuận với quy mô tiêu dùng hàng hoá xuất nhập khẩu của xã hội

- Thuế xuất nhập khẩu không phân biệt đối tượng chịu thuế (giàu hay nghèo), nếu tiêu dùng cùng một loại hàng hoá như nhau thì phải chịu cùng một lượng thuế như nhau

#### ***1.1.4. Các yếu tố của thuế xuất nhập khẩu***

Bất cứ tên gọi của một sắc thuế nào cũng mang trong nó 3 yếu tố cơ bản: đối tượng nộp thuế, cơ sở thuế và thuế suất.

##### **a) Đối tượng nộp thuế**

Thuế xuất nhập khẩu là một loại thuế gián thu, được cộng thêm vào giá trị mới trong giá cả hàng hoá trao đổi qua biên giới. Mà người tiêu dùng là người chịu thuế, còn người nộp thuế là các nhà sản xuất( phụ lục 1, chương 1)

Theo Luật thuế xuất khẩu nhập khẩu đã được Quốc hội khoá XI thông qua tại kì họp thứ 7, ngày 14 tháng 6 năm 2005, thì đối tượng chịu thuế, không chịu thuế, đối tượng nộp thuế được quy định tại Điều 2, Điều 3, và Điều 4.

Trong đó, đối tượng chịu thuế bao gồm:

“... ”

1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam ;
2. Hàng hoá được đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan và từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.”

Còn đối với các loại hàng hoá không được mang vào tiêu thụ trong nước, và chỉ mang tính hình thức vận chuyển qua cửa khẩu Việt Nam được quy định rõ trong Điều 3 thuế xuất nhập khẩu thì hoàn toàn không phải chịu loại thuế này.

Đối tượng nộp thuế là các tổ chức, cá nhân có hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế quy định tại Điều 2 của Luật thuế xuất nhập



khẩu. Mà hầu hết là các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình kinh doanh hay tiêu dùng hàng hóa tại thị trường trong nước.

b) Cơ sở thuế

“Cơ sở thuế là đối tượng tác động của một chính sách thuế”. (Giáo trình quản lý thuế, khoa ngân hàng tài chính, trường Đại học Kinh tế quốc dân xuất bản năm 2002).

Cơ sở thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu là giá trị lô hàng tính theo giá của các cá nhân khai báo hoặc giá tính theo định giá Hải quan.

c) Thuế suất

Thuế suất là mức thu ấn định trên một cơ sở thuế (giá trị hàng hoá) bằng những phương pháp tính toán thích hợp.

Thuế suất là linh hồn của một sắc thuế, nó là quan điểm điều tiết của chính phủ về một ngành nghề, một loại hàng hoá cụ thể.

**1.1.5. Các yêu cầu chính sách thuế xuất nhập khẩu**

Thuế quan là một công cụ đặc lực góp phần thực hiện mục tiêu kinh tế vĩ mô trong quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm cân bằng hoạt động ngoại thương và ổn định tỉ giá hối đoái. Chính vì vậy, việc xây dựng chính sách thuế xuất nhập khẩu cũng phải đảm bảo những tính chất sau:

- Tiêu chuẩn công bằng trong chính sách đối với khu vực nhà nước và khu vực tư nhân; khu vực trong nước và khu vực ngoài nước..., là tiêu chuẩn để đánh giá sự tiến bộ trong chính sách. Nếu không đảm bảo tính công bằng, chính sách thuế sẽ ảnh hưởng gián tiếp tới các hoạt động xuất nhập khẩu, không khuyến khích các nhà đầu tư kinh doanh vào Việt Nam. Người ta nói: hãy cắt lông cừu chứ đừng lột da nó, một phương thức thuế quan công bằng cũng tuân thủ mục tiêu giúp cho thuế quan phát triển và nuôi dưỡng nguồn thu cho tương lai

- Tiêu chuẩn thuận tiện trong chính sách. Thường được đánh giá qua các tiêu chí: dễ quản lý đối tượng nộp thuế, dễ thu, dễ kiểm tra, nội dung luật dễ hiểu, dễ thực hiện...

Tiêu chuẩn hiệu quả chủ yếu thể hiện qua 2 tiêu chí: hiệu quả về kinh tế và hiệu quả về quản lý thu thuế là lớn nhất

### ***1.1.6. Các dạng thuế xuất nhập khẩu***

a) Thuế quan theo mục đích bao gồm: dạng thuế quan theo mục đích ngân khố và dạng thuế quan theo mục đích bảo hộ

- Dạng thuế quan theo mục đích ngân khố thường là một loại hàng hoá tiêu dùng đánh vào các hàng hoá xuất nhập khẩu mà trong nước chưa sản xuất được hay các loại hàng hoá theo yêu cầu của xã hội hạn chế các loại hàng hoá như rượu, bia, ...

- Dạng thuế quan bảo hộ là một dạng thuế được lập lên như một hàng rào bảo hộ mang tính chất thường xuyên đối với nền sản xuất công nghiệp và công nghiệp nội địa, là một công cụ giảm tiêu dùng hàng hoá xuất nhập khẩu trong trường hợp thiếu hụt cán cân thanh toán triền miên. Thuế quan bảo hộ thường được dùng trong những trường hợp sau:

+ Bảo hộ hàng xuất bán với mức giá thấp hơn giá sản xuất trên thị trường quốc tế để đảm bảo ưu thế cạnh tranh. Tuy nhiên trong quá trình gia nhập thì điều này là một trong những điều kiện đầu tiên các quốc gia xoá bỏ khi đàm phán

+ Hạn chế việc nhập hàng hoá trên “quota” bằng việc đánh thuế suất cao

+ Phân biệt việc nhập hàng hoá theo các phương tiện vận chuyển khác nhau (đường hàng không, đường biển, đường bộ) thông qua các loại thuế suất khác nhau

+ Chủ trương của chính phủ là ưu tiên xuất khẩu hàng hóa vào thị trường đặc biệt để tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa sản xuất trong nước hoặc sử dụng chế độ ưu tiên thuế quan cho việc nhập nguyên nhiên vật liệu cần thiết cho hoạt động sản xuất trong nước

+ Thuế quan đàm phán và thương mại, loại thuế này thường được ấn định dựa trên mức độ cần thiết của mục tiêu bảo hộ nền sản xuất trong nước, cùng với lợi ích đạt được trong quá trình đàm phán

+ Thuế quan dùng để trừng phạt: loại thuế này thường được sử dụng khi trả đũa đối với sự phân biệt thuế quan hay do sự mâu thuẫn giữa hai nước hay là biện pháp cảnh cáo của một nước này so với nước khác. Các hàng hoá bị đánh ở mức thuế suất cao khi nhập khẩu trong các nước này.

b) Thuế quan theo xu hướng vận động

Xu hướng vận động của hàng hoá xuất nhập khẩu bao gồm : xuất, nhập và quá cảnh. Theo xu hướng vận động, ta có thể phân thuế quan thành 3 loại sau:

- Thuế xuất khẩu đánh vào hàng hoá xuất khẩu. thường có thuế suất thấp nhằm hỗ trợ xuất khẩu hàng hoá trong nước tuy nhiên ở một số nước phát triển, thuế xuất khẩu đối với nguyên nhiên vật liệu thường là rất cao

- Thuế nhập khẩu đánh vào hàng hoá nhập khẩu với 2 mục đích chủ yếu là: bảo hộ nền sản xuất trong nước và khai thác nguồn thu cho ngân sách nhà nước

- Thuế quá cảnh đánh vào những hàng hoá quá cảnh qua lãnh thổ. Ở Việt Nam, các hàng hoá quá cảnh qua cửa khẩu biên giới của Việt Nam không bị đánh thuế xuất nhập khẩu

c) Thuế quan theo phạm vi áp dụng

Hay tầm áp dụng của thuế quan, thường có 2 dạng thuế sau:

- Thuế quan tự quản: là thuế quan thể hiện tính độc lập của một quốc gia, không phụ thuộc vào các hiệp định đã kí kết song phương hay đa phương

- Thuế quan hiệp định: thuế này được ấn định thuế suất theo những khoản đã kí kết trong hiệp định song phương hay đa phương

d) Thuế quan theo cách thức quy định

Theo cách thức này thuế quan thường có những dạng cơ bản sau:

- Thuế quan theo giá trị, mức thuế của loại thuế này được quy định bằng một số tuyệt đối cho mỗi đơn vị hàng hoá (số lượng, trọng lượng, kiện...) loại thuế quan này đảm bảo số thu cho ngân sách không chịu bất kì biến động nào của giá cả.

- Thuế quan phân biệt có thể là thuế quan theo giá trị hoặc thuế quan đặc thù, nhưng thuế suất thường được chia thành bậc theo giá cả hàng hoá.

## **1. 2. Quản lý thu thuế xuất nhập khẩu tại các Chi cục hải quan**

### ***1.2.1. Khái niệm***

Xét trên quan điểm vĩ mô, quản lý thu thuế xuất nhập khẩu thuộc một trong ba lĩnh vực là lập pháp, hành pháp, và tư pháp về thuế xuất nhập khẩu của công tác quản lý thu thuế.

Công tác quản lý có một vị trí quan trọng trong quá trình thực hiện hay quá trình thực hiện các quy định của nhà nước về thuế xuất nhập khẩu. Nó là tiền đề quan trọng đánh giá việc thực hiện một chính sách thuế liệu có thành công hay không. Bởi mục tiêu của một chính sách thuế xuất nhập khẩu đưa ra không nằm ngoài những mục tiêu về ngân sách, và tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế vĩ mô phát triển.

*Thứ nhất, thuế xuất nhập khẩu là nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước.* Sau Đại hội Đảng VI đến nay, hoạt động trao đổi, giao thương buôn bán của Việt Nam phát triển nhanh chóng. Hàng năm tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng, nguồn thu từ thuế xuất nhập khẩu đạt từ 20 – 23% tổng thu ngân sách về thuế.

*Thứ hai, quản lý thu tốt là điều kiện cho chính sách kinh tế vĩ mô hiệu quả.*

Quản lý thu thuế hay tổ chức thực hiện luật thuế xuất nhập khẩu là một nhân tố không thể thiếu trong quá trình điều tiết kinh tế vĩ mô.

Thuế xuất nhập khẩu là một trong những công cụ kinh tế đáng tin cậy và có hiệu quả. Thuế có thể hướng dẫn hay hạn chế tiêu dùng thông qua việc xây dựng biểu thuế, chính sách miễn giảm thuế. Thông qua các chính sách này nhà nước có thể kiểm soát hoặc hướng dẫn các hoạt động xuất nhập khẩu, bảo hộ nền kinh tế trong nước, thực hiện các chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước trong quan hệ quốc tế, góp phần đảm bảo công bằng xã hội.

Chính vì vậy quản lý thu thuế là điều kiện tiên quyết giúp cho quá trình điều tiết kinh tế vĩ mô có hiệu quả.

Quản lý thu thuế như cánh tay, đôi chân và đôi mắt của quá trình phát triển của đất nước. Các hoạt động này không hiệu quả thì một bộ óc thông minh đến đâu cũng không thể hoàn thành tác phẩm của mình.

### ***1.2.2. Căn cứ pháp lý của quản lý thu thuế xuất nhập khẩu***

Ngày 29/12/1987, Luật thuế xuất nhập khẩu Việt Nam lần đầu tiên được ban hành có tên gọi “Luật thuế xuất nhập khẩu hàng mậu dịch”. Trong xu thế hội nhập, nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, sự tan rã của khối chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ của Việt Nam với các nước Liên Xô và Đông Âu có nhiều thay đổi, chính sách xuất nhập khẩu được Đảng và Chính phủ hết sức quan tâm và cố gắng điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Có thể thấy, ngày 26/12/1991, Quốc hội thông qua “Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu” lần nhất sửa đổi bổ sung ngày 5/7/1993; Ngày 14/06/2005, Quốc hội thông qua “Luật thuế xuất nhập khẩu” lần hai. Đây có thể coi là bước căn bản, là cơ sở của quá trình Việt Nam gia nhập nền kinh tế thế giới phù hợp với những thông lệ và điều ước quốc tế.

#### ***1.2.2.1. Quy định xác định lượng hàng tính thuế***

Lượng hàng tính thuế xuất nhập khẩu là số lượng từng mặt hàng được khai báo trong tờ khai Hải quan hay qua quá trình kiểm tra Hải quan ở khâu kiểm hoá

Xác định số lượng của từng loại mặt hàng căn cứ:

- Hoá đơn mua bán (SALES CONTRACT)
- Danh sách hàng đóng gói (PACKING LIST)
- Hoá đơn vận chuyển hàng hoá (BILL OF LADING)
- Hoá đơn thương mại (COMMERCIAL INVOICE)

Với những chứng từ nói trên là cơ quan Hải quan xác định, xem xét số liệu chứng từ với số liệu trong thực tế.

Xác định tính chất hàng hoá: cán bộ kiểm hoá phải nhận biết được mặt hàng được xuất nhập khẩu có đúng với loại hàng mà cơ quan Hải quan khai

báo hay không. Đối với những loại mặt hàng khó xác định sẽ được giám định để xác định giá đúng theo chủng loại hàng hoá

Xác định quy cách hàng hoá: là quá trình xem xét các loại hàng hoá theo quy cách nào, nguyên chiếc hay dạng bộ phận để xác định SKD, CKD, IKD. Cán bộ Hải quan phải xác định quy cách hàng hoá bởi Chính phủ đánh thuế đối với mỗi dạng hàng hoá khác nhau thì chịu những sắc thuế khác nhau.

Xác định xuất xứ hàng hoá (C/O): Thực chất Việt Nam chưa quy định rõ các mặt hàng xuất xứ. Việc xác định xuất xứ nhằm mục đích xác định mức thuế đánh vào các mặt hàng hoá xuất nhập khẩu (bởi đối với mỗi nước khác nhau, có một mức thuế suất khác nhau, chế độ ưu đãi riêng).

#### *1.2.2.2. Quy định về giá tính thuế*

##### a) Những quy định hiện hành

Là những quy định chung áp dụng cho tất cả các nước khi có hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam. Quy định áp giá tính thuế đối với các trường hợp như: hợp đồng thương mại, mặt hàng nhà nước quản lý, và các mặt hàng hoá xuất nhập khẩu không đủ điều kiện để xác định giá tính thuế theo hợp đồng.

Trường hợp áp giá tính thuế theo hợp đồng: hàng hoá xuất nhập khẩu theo hợp đồng mua bán ngoại thương, với các điều kiện quy định trong điều 50, Luật thương mại thì giá tính thuế được xác định theo hợp đồng thương mại và các chứng từ liên quan. Cụ thể như sau:

- Đối với hàng xuất khẩu, giá bán cho khách hàng là giá bán tại cửa khẩu (giá FOB), giá nguyên không bao gồm phí vận chuyển và chi phí bảo hiểm.

- Đối với hàng hoá nhập khẩu, giá mua là giá mua tại cửa khẩu (giá CIF), giá tổng hợp đã bao gồm cả phí vận chuyển và phí bảo hiểm.

- Giá tính thuế xuất nhập khẩu áp dụng đối với khu chế xuất (khu phi thuế quan), doanh nghiệp chế xuất tại Việt Nam là giá thực tế mua, bán tại cửa khẩu theo hợp đồng thương mại.

- Trường hợp hàng hoá nhập khẩu vào có bảo hành theo hợp đồng, và trong hợp đồng riêng không tính đến mức bảo hành này thì giá tính thuế trên hợp đồng này bao gồm cả phần bảo hành.

- Máy móc, thiết bị, phương tiện đưa ra nước ngoài sửa chữa thì giá tính thuế khi nhập khẩu hàng hoá lại Việt Nam được tính là chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị phương tiện vận tải đó.

- Phương tiện vận tải đi thuê thì giá tính thuế khi nhập khẩu là giá thuê theo hợp đồng đã kí với nước ngoài

- Đối với hàng hoá do phía nước ngoài gia công cho phía Việt Nam thì giá tính thuế khi nhập khẩu là giá thực tế của hàng hoá nhập khẩu trừ giá trị của nguyên liệu vật tư, hàng hoá xuất ra nước ngoài để gia công, theo hợp đồng đã kí

- Truy thu thuế hàng hoá đã đưa vào sử dụng tại Việt Nam, giá tính thuế được xác định theo giá trị sử dụng lại của hàng hoá tại thời điểm truy thu thuế.(phụ lục 2)

Giá tính thuế đối với những mặt hàng của Nhà nước (thường là các loại hàng thuộc luồng xanh) thì được tính theo Bảng giá của Bộ Tài chính quy định. Trong trường hợp giá trên hợp đồng ngoại thương cao hơn giá quy định tại Bảng giá thì tính thuế theo giá hợp đồng

Trường hợp hàng hoá xuất nhập khẩu không đủ điều kiện để xác định tính giá hợp đồng, hoặc đối với những hàng hoá nhập khẩu theo phương thức khác không thông qua hợp đồng mua bán (như hàng biếu tặng, xuất nhập khẩu phi mậu dịch, hoạt động buôn bán của cư dân biên giới ...), hoạt động buôn bán không thanh toán qua ngân hàng, giá tính thuế được tính theo Bảng giá tính thuế của Bộ Tài chính (các mặt hàng mà nhà nước quản lý) hoặc của Tổng Cục Hải quan (các mặt hàng mà nhà nước không quản lý)

a) Giá tính thuế theo Hiệp định giá GATT/ WTO

Theo Hiệp định này, giá tính thuế được tính theo 6 phương pháp:

- Trị giá giao dịch của hàng hoá xuất nhập khẩu

- Trị giá giao dịch của hàng hoá giống hệt nhập khẩu
- Trị giá giao dịch của hàng hoá tương tự nhập khẩu
- Trị giá khấu trừ
- Trị giá tính toán
- Suy diễn (phương pháp dự phòng)

Các phương pháp này được áp dụng theo trình tự từ 1 đến 6 trừ phương pháp số tư và số năm có thể hoán đổi cho nhau

Trị giá tính thuế được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} & & & & \text{Giá thực tế} & & \text{Các khoản} \\ & & & & \text{đã thanh} & & \text{điều chỉnh} \\ \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & & & \\ \text{tính} & = & \text{giao} & = & \text{toán hoặc sẽ} & & \text{theo} \\ \text{thuế} & & \text{dịch} & & \text{thanh toán} & + & \text{Điều 8} \end{array}$$

Các khoản điều chỉnh theo Điều 8 bao gồm 2 loại: các khoản điều chỉnh bắt buộc (chi phí hoa hồng, chi phí môi giới, chi phí container, chi phí gói hàng, chi phí bản quyền và chi phí giấy phép), và các khoản điều chỉnh không bắt buộc (phí bảo hiểm, chi phí vận tải, bốc xếp, dỡ hàng)

Việc tính thuế theo hiệp định GATT là 1 thay đổi lớn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

Thứ nhất, việc tính thuế theo trị giá giao dịch hay giá gần đúng với giá thực tế mua bán hàng hoá. Các cơ quan Hải quan phải cố gắng kiểm tra giám sát số thuế phải nộp của các doanh nghiệp trên cơ sở thu đủ các khoản bổ xung và hoàn lại số thuế cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp nộp thuế trên cơ sở giá thực tế thanh toán chứ không còn bị áp đặt giá tính thuế như trước

Thứ hai, cùng với cơ chế tự khai, tự tính, và tự nộp thuế, các doanh nghiệp hoạt động chủ động hơn bởi không ảnh hưởng bởi chính sách quản lý giá

Thứ ba, doanh nghiệp có quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích của mình khi các doanh nghiệp nhận thấy rằng trị giá tính thuế của cơ quan Hải quan áp dụng cho mình là không chính xác.



Thực hiện GATT là một tiền đề cho việc thực hiện hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam. Nó cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy thương mại và đầu tư, tiêu chuẩn hoá các phương pháp xác định giá Hải quan, tuân theo các điều lệ quốc tế.

So với các quy định hiện hành về giá tính thuế, thì giá tính thuế theo Hiệp định GATT có lợi thế hơn hẳn cho doanh nghiệp. Đối với ngành Hải quan, thực hiện GATT làm cho các cơ quan này phân cấp trong ngành trở lên rõ rệt hơn. Các quyết định hành chính về giá tính thuế sẽ được thực hiện chủ yếu tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu. Đây có thể là một cơ hội hoặc là một thách thức lớn cho cơ quan quản lý chủ quản. Nó như một con dao hai lưỡi, một mặt có thể giúp cơ quan Hải quan đánh giá được đúng thực trạng của đội ngũ cán bộ để có thể tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng năng lực phẩm chất cho các cán bộ; Mặt khác, nếu không có 1 cơ chế quản lý phù hợp, nó có thể gia tăng số vụ tham nhũng, nhũng nhiễu mà ngay chính cơ quan quản lý chưa giải quyết được hiện nay.

#### *1.2.2.3. Quy định về áp mã số thuế và thuế xuất nhập khẩu*

##### a) Biểu thuế nhập khẩu

Danh mục các hàng hoá chịu thuế nhập khẩu hiện hành được xây dựng cơ bản dựa trên bảng danh mục hệ thống điều hoà mô tả và mã hoá hàng hoá của Hội Đồng hợp tác Hải quan trên thế giới (Danh mục HS), đồng thời biến đổi một số nội dung cho phù hợp với hoạt động xuất nhập khẩu tại Việt Nam. Danh mục này mã hoá 6 chữ số hay phân cấp ở cấp độ phân nhóm hàng ( có 3 cấp độ phân nhóm: theo các nhóm hàng (mã hoá 4 chữ số), các phân nhóm hàng (mã hoá 6 chữ số), các mặt hàng (mã hoá 8 chữ số)

Hàng hoá trong biểu danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu hiện hành bao gồm 97 chương (trong đó có 77 chương dự phòng). Mỗi chương được chia làm 5 cột và được quy định:

Cột 1: Mã hiệu nhóm hàng

Cột 2: Mã hiệu phân nhóm hàng

Cột 3: Mã hiệu mặt hàng

Cột 4: Mô tả tên nhóm hàng, phân nhóm hàng hoặc mặt hàng

Cột 5: Quy định mức thuế suất nhập khẩu

b) Biểu thuế xuất khẩu

Biểu thuế xuất khẩu xây dựng cơ bản dựa trên Danh mục HS. Tuy nhiên, do phần lớn các mặt hàng xuất khẩu có mức thuế 0% nên Biểu thuế xuất nhập khẩu chỉ ghi mã số và tên của 1 số nhóm hàng. Nguyên tắc phân loại của Biểu thuế xuất nhập khẩu được thực hiện như sau:

- Các nhóm hàng không được ghi cụ thể tên và mã số được ghi vào XXXXXX ở cuối Biểu thuế, có thuế suất là 0%. Tuy nhiên khi làm thủ tục Hải quan đối tượng nộp thuế vẫn phải kê khai tên hàng và mã số hàng hoá nhập khẩu

- Các nhóm mặt hàng được ghi rõ trong biểu thuế với những mức thuế suất xác định.

c) Thuế xuất ưu đãi

Loại thuế suất này chỉ áp dụng đối với hàng hoá xuất nhập khẩu có xuất xứ (C/O) từ những nước và khối nước có thoả thuận về đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại đối với Việt Nam và được quy định cụ thể trong Biểu thuế ưu đãi.

Điều kiện áp dụng mức thuế ưu đãi:

- Có giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) từ các nước hoặc khối nước có thoả thuận về đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại (đối với hàng nhập khẩu)

- Có C/O phải phù hợp với quy định của Bộ Thương mại (đối với hàng xuất khẩu)

d) Thuế suất ưu đãi đặc biệt

Áp dụng đối với các hàng hoá xuất khẩu có xuất xứ từ các nước có thoả thuận ưu đãi đặc biệt theo thể chế khu vực thương mại tự do, liên minh

thuế quan tạo thuận lợi cho giao lưu thương mại biên giới (Ví dụ, Việt Nam gia nhập ASEAN và thực hiện hiệp định CEPT/AFTA).

Điều kiện áp dụng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt:

- Có giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) từ các nước có thoả thuận ưu đãi đặc biệt về thuế quan

- Hàng nhập khẩu phải là những mặt hàng được quy định cụ thể trong thoả thuận

e) Thuế suất thông thường

Là thuế áp dụng cho tất cả các mặt hàng có xuất xứ từ các nước không được hưởng tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam. Thường thuế suất thông thường cao hơn mức thuế suất ưu đãi là 50% và không quá 70%

$$\begin{array}{l} \text{Thuế xuất} \\ \text{thông} \\ \text{thường} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thuế xuất} \\ \text{ưu đãi} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế xuất} \\ \text{ưu đãi} \end{array} \times 50\%$$

Căn cứ áp thuế suất:

Áp thuế suất dựa trên căn cứ cơ bản: mã số hàng hoá tương ứng với mức thuế suất, và giá tính thuế được xác định bởi các cơ quan Hải quan

Bước 1: Phân loại hàng hoá và xác định mã số hàng hoá đúng quy định trong Biểu thuế. Căn cứ áp thuế xuất là biểu thuế xuất hiện hành, chú ý những mức thuế suất đã được sửa đổi, điều chỉnh trong các văn bản của Bộ Tài chính quy định.

Bước 2: Kiểm hoá giám định hàng thực hiện bởi cơ quan cán bộ chức năng, chuyên môn, làm việc trung thực khách quan, có trách nhiệm. Kết quả khâu kiểm hoá phải ghi rõ: tên hàng, mô tả cấu tạo, đặc điểm, thông số kỹ thuật, tính chất mức độ diễn biến, cách sử dụng ... để khi áp mã số hàng hoá có thể đối chiếu được với những mô tả hàng hoá trong biểu thuế, và xác định mã số hàng hoá là phù hợp nhất. Đây là cơ sở, căn cứ pháp lý, khoa học của việc áp dụng áp thuế suất trong quá trình đưa ra số thu thuế tại cơ quan Hải

quan trước khi thông báo số thu thuế cho các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân phải chịu thuế

Nguyên tắc áp thuế suất:

Phải căn cứ vào mã số hàng hoá sau khi kiểm hoá và phân loại hàng hoá. Nếu hoạt động kiểm hoá không xác định được chất lượng hàng hoá thì cơ quan giám định xác định chất lượng làm cơ sở để xác định mã hàng.

Trên cơ sở kết quả kiểm hoá và giám định, xác định mã số hàng đối chiếu với biểu thuế để xác định thuế suất.

### ***1.2.3. Nội dung cơ bản của công tác quản lý thu thuế***

Xem xét trên quan điểm vĩ mô, quản lý thu thuế xuất nhập khẩu là một trong ba lĩnh vực lập pháp hành pháp và tư pháp về thuế xuất nhập khẩu của công tác quản lý thuế. Có thể nói đây là một khâu quan trọng đóng vai trò quyết định hiệu quả của việc sử dụng công cụ thuế. Nội dung của công tác này bao gồm:

#### ***1.2.3.1 Quản lý đối tượng nộp thuế***

Thường các doanh nghiệp khi đăng kí kinh doanh thì cơ quan thuế phải tiến hành đăng kí đối tượng nộp thuế, trên cơ sở đó sẽ quản lý và thu thuế đối với đối tượng này. Có hai phương thức cơ bản:

- Phương thức thủ công: theo phương pháp này, mỗi đối tượng được cấp cho một sổ thuế riêng, mọi thông tin cần thiết về đối tượng nộp thuế được lưu giữ và quản lý trong cuốn sổ này. Tuy nhiên phương thức này chỉ phù hợp với đối tượng nộp thuế là ít và khá tập trung, bởi nếu số lượng đối tượng tăng lên quá lớn thì việc quản lý đối tượng nộp thuế bằng phương pháp này sẽ phức tạp dễ gây nhầm lẫn, mất nhiều công sức, cập nhật thông tin thấp, mà hiệu quả không cao

- Phương thức quản lý bằng mạng vi tính: Cơ quan thuế, cơ quan Hải quan quản lý đối tượng thu thuế thông qua hệ thống mã số thuế gắn kèm với từng doanh nghiệp được thống nhất trong cả nước. Thường các doanh nghiệp khi mới thành lập, hay mở tờ khai Hải quan trước sự cho phép của pháp luật

phải đăng kí một mã số thuế cho cơ quan thuế hay cơ quan Hải quan. Trên cơ sở đó các cơ quan này tiến hành hoạt động quản lý thuế của mình (kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, thu thuế).

#### *1.2.3.2 Xây dựng và lựa chọn quy trình quản lý thu thuế*

Quy trình quản lý thu thuế là chuỗi các hoạt động được quy định trong luật quản lý thuế nhằm tập hợp đầy đủ kịp thời số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Nói chung quy trình nộp thuế có thể chia làm hai cơ chế cơ bản như sau:

+ Cơ quan thuế, cơ quan Hải quan tính thuế và ra thông báo số thuế phải nộp. Đây là 1 quy trình nộp thuế truyền thống. Định kì theo thời gian hoặc theo chuyển hàng, trên cơ sở những quy định trong luật thuế và các hoạt động sản xuất kinh doanh, các đối tượng nộp thuế phải kê khai thuế và nộp tờ khai thuế cho cơ quan Hải quan. Cơ quan thuế, cơ quan Hải quan

+ Đối tượng nộp thuế phải tự kê khai, tự tính thuế, và nộp thuế. Cơ chế này hoạt động khá hiệu quả nếu có sự giám sát và hướng dẫn 1 cách hiệu quả. Số thuế phải nộp căn cứ vào thông báo nộp thuế của các cơ quan Hải quan. Cơ quan Hải quan có trách nhiệm kiểm tra sự chính xác trong kê khai và tính thuế của đối tượng nộp thuế, trên cơ sở đó phát hành thông báo thuế.

#### *1.2.3.3 Tính thuế*

Phương pháp tính thuế tùy thuộc vào từng loại thuế (thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng), tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh (ví dụ như ngành sản xuất ô tô, có 2 loại nhập khẩu: nhập linh kiện phụ tùng lắp ráp, nhập nguyên chiếc)... có các phương pháp tính thuế sau:

+ Phương pháp đánh giá hành chính: Số thuế được tính theo những căn cứ khách quan, rõ ràng, không cần phải điều tra hoặc tranh cãi nhiều

+ Phương pháp tính theo thuế khoán: trong một khoảng thời gian cụ thể, dựa trên những cơ sở khách quan do người sản xuất kinh doanh cung cấp

và trên các biện pháp thanh tra của cán bộ thuế, cơ quan thuế sẽ ra quyết định thuế về một mức doanh thu cụ thể cố định.

+ Phương pháp tính thuế theo kê khai thực tế: dựa trên tờ khai với các số liệu thực tế về tình hình sản xuất kinh doanh mà có phương pháp tính thuế phù hợp.

Đối với thuế xuất nhập khẩu, việc tính thuế dựa trên phương pháp khai thực tế, và số thu thuế phải nộp căn cứ vào mức thuế suất quy định trong biểu thuế suất.

#### *1.2.3.4 Tổ chức thu nộp tiền thuế*

Thuế xuất nhập khẩu được nộp trực tiếp vào kho bạc nhà nước dưới hình thức chuyển khoản, séc hoặc tiền mặt.

Đối với những hàng hoá phi mậu dịch, thuế được nộp trực tiếp cho các cán bộ thu thuế tại các cửa khẩu.

### **1.3. Quản lý thu thuế quan tại các đơn vị cơ sở trong xu hướng hội nhập kinh tế thế giới ở Việt Nam**

Một đặc điểm trong chính sách thương mại của các nước đang phát triển là tăng cường tự do hoá, đặc biệt trong khu vực và toàn cầu. Quá trình Việt Nam gia nhập AFTA và thực hiện tiến trình giảm thuế nhập khẩu các mặt hàng xuống từ 0% - 5%, hay loại bỏ hàng rào phi thuế quan đối với hàng hoá là một trong những diễn biến ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình quản lý thu thuế của nước ta. Năm 1996 – 2000, Việt Nam đã đưa 4200 dòng thuế nhưng chủ yếu là các dòng thuế có lợi cho xuất khẩu và 60% trong số thuộc diện cắt giảm này đã có thuế suất 0% - 5%. Hoạt động quản lý thu thuế của các Chi Cục Hải quan có nhiều thay đổi đáng kể, về cả cơ chế hoạt động, quá trình kiểm tra, giám sát hàng hoá, ....

## **2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU THUẾ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG (CỬA LÒ, NGHỆ AN)**

### **2.1. Giới thiệu tổng quan về Chi Cục Hải quan cửa khẩu Cảng (Cửa Lò, Nghệ An)**

Chi cục Hải quan Cửa Khẩu Cảng là một bộ phận có thu thuộc Cục Hải quan địa phương Nghệ An. Được thành lập từ năm 1983, Hải quan Cửa khẩu Cảng lúc đầu mang tên Hải quan Cửa khẩu Cảng Nghệ Tĩnh. Từ năm 1991 đến năm 2003, Hải quan Cửa khẩu Cảng Nghệ Tĩnh đổi tên thành Hải quan Cửa khẩu Cảng. Từ năm 2003 tới nay, đổi tên thành Chi Cục Hải quan Cửa Khẩu Cảng.

Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng đóng tại phường Nghi Tàm, thị xã Cửa Lò, Nghệ An, cách Vinh 15 km, bao gồm một trụ sở chính và một trạm kiểm soát. Theo đó, cơ cấu của Chi Cục được phân chia thành hai bộ phận cơ bản: bộ phận nghiệp vụ chuyên phụ trách các vấn đề nghiệp vụ hải quan của Chi Cục như kiểm hoá, kiểm tra giám sát các mặt hàng xuất nhập khẩu, và đội thuế chuyên phụ trách những vấn đề về tính thuế, ra thông báo số thuế phải nộp và trực tiếp thu thuế tại Chi Cục (xem phụ lục 3).

Hiện nay, Chi Cục đang cố gắng phấn đấu thực hiện được Chiến lược của Đảng là hiện đại hoá Hải quan theo tiêu chuẩn quốc tế, tăng nguồn thu cũng như hiệu quả trong khâu kiểm soát cửa khẩu với mục tiêu:

Thuận lợi - tận tụy - chính xác

Trong dài hạn, Chi Cục Hải quan cửa khẩu Cảng đang cố gắng thực hiện theo phương hướng, tầm nhìn, chiến lược, tuyên ngôn mà toàn ngành đã đề ra.

Tầm nhìn toàn ngành đến năm 2010 – 2020

Quản lý Hải quan hướng tới tạo điều kiện cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đầu tư và dịch vụ; thực hiện Hải quan điện tử, cơ quan Hải quan hoạt động có tính chuyên nghiệp, minh bạch và liêm chính.

Tuyên ngôn và nhiệm vụ toàn ngành

Quản lý có hiệu quả các hoạt động xuất nhập khẩu và giao lưu quốc tế, tạo điều kiện cho thương mại và sản xuất phát triển

+ Bảo vệ và góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nền kinh tế thế giới

+ Đảm bảo nguồn thu cho ngân sách

+ Chống buôn lậu, gian lận thương mại, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng

+ Góp phần bảo vệ chủ quyền kinh tế, an ninh quốc gia, an toàn xã hội

+ Phục vụ quản lý kinh tế xã hội

Về mục tiêu trong ngắn hạn của Hải quan Nghệ An là từng bước hiện đại hoá các thủ tục Hải quan, đào tạo 1 lớp đội ngũ cán bộ đầy đủ năng lực... thông qua các chương trình dự án như: thủ tục Hải quan “1 cửa”, khai Hải quan từ xa thông qua mạng Internet... nhằm thu hút các doanh nghiệp mở tờ khai, cũng như xuất nhập hàng hoá qua cửa khẩu hoàn thành tốt chỉ tiêu mà nhà nước đã đặt ra.

Hiện nay, cảng Nghệ An đang trong quá trình nâng cấp và cải tạo nhằm nâng năng lực bốc xếp hàng thông qua cảng trên 1.2 triệu tấn/1 năm vào năm 2010. Đây là một định hướng tạo cơ hội cho Chi Cục Hải quan Cửa Khẩu Cảng có điều kiện phát huy năng lực của mình trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới.

## **2.2. Thực trạng quản lý thu thuế tại Chi Cục Hải quan Cửa Khẩu Cảng**

### ***2.2.1. Quản lý đối tượng nộp thuế***

Đối tượng nộp thuế là các cá nhân, tổ chức có các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá (các hàng hoá quá cảnh qua Cửa khẩu ở Việt Nam không bị đánh thuế) qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam hoặc được đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan và từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.

Trong nền kinh tế thị trường, khách hàng là thượng đế đối với các doanh nghiệp thì việc quản lý đối tượng nộp thuế chính là quản lý nguồn thu của các Chi Cục Hải quan. Trong những năm gần đây Chi Cục Hải quan Cửa



Khẩu Cảng Cửa Lò quản lý từ 10 – 15 doanh nghiệp thường xuyên có các hoạt động xuất nhập khẩu tại Chi Cục. Có thể kể đến như:

- Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy và xe máy Vinashin
- Công ty cổ phần thương mại Nghệ An
- Công ty dầu thực vật Tường An
- Công ty kinh doanh xuất nhập khẩu Bắc Nghệ An
- Công ty SHELL Việt Nam
- Công ty trách nhiệm hữu hạn xây lắp TH Miền Trung
- ....

Bộ phận quản lý thu thuế tại Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Cửa Lò, Nghệ An khá đơn giản (theo phụ lục 3). Trong đó, đội đăng ký phụ trách vấn đề đăng ký thuế, khai thuế; đội kiểm hoá phụ trách mảng kiểm tra hàng hoá; đội thuế phụ trách mảng ấn định thuế, làm thủ tục hoàn thuế, miễn thuế và giảm thuế, xoá nợ tiền thuế, tiền phạt cũng như quản lý thông tin người nộp thuế. Ngoài ra, Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng còn bao gồm: tổ phụ trách mảng công nghệ thông tin và hiện đại hoá, tạp vụ, nhà ăn ....

Những năm gần đây áp dụng cơ chế tự khai, tự tính và tự nộp thuế, gánh nặng đối với các bộ phận này giảm đi nhiều. Đội đăng ký có nhiệm vụ như là một bộ phận tư vấn cho các doanh nghiệp tự kê khai, tính thuế; trên cơ sở đó đội kiểm hoá có trách nhiệm là kiểm tra hàng hoá, kiểm tra tính chính xác của thông tin của người khai thuế; còn đội thuế xử lý các vấn đề như ra thông báo thuế, thủ tục hoàn thuế, xét miễn giảm thuế, xoá nợ tiền thuế tiền phạt, cũng như thu thuế thông qua Chi Cục hoặc gửi chuyển khoản ngân hàng.

Theo đó, việc quản lý đối tượng nộp thuế cũng có nhiều thay đổi. Đối tượng nộp thuế đăng ký mã số thuế cho cơ quan hải quan thay thế cho công tác quản lý sổ thuế của các doanh nghiệp khá phức tạp trên toàn địa bàn. Việc quản lý thông qua hệ thống mạng nội bộ và mạng Internet trong các khâu khai báo, giám sát các hoạt động nộp thuế các doanh nghiệp, tổ chức. Khi chưa áp

dụng công nghệ thông tin vào quá trình hải quan, hàng ngày Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng báo cáo về số thuế đã thu trong ngày, danh sách các đơn vị chưa nộp thuế quá thời hạn cho phép (danh sách cưỡng chế) và những biện pháp chế tài buộc các đơn vị này nộp thuế cho Hải quan Nghệ An. Hiện nay các thông tin được cập nhật nhanh chóng thông qua mạng nội bộ của toàn ngành Hải quan.

### ***2.2.2. Xây dựng và lựa chọn quy trình quản lý thu thuế***

Quy trình quản lý thu thuế là một chuỗi các hoạt động thu và quản lý thu của Chi Cục thực hiện nhằm mang lại hiệu quả thu thuế tối ưu.

Quy trình quản lý thu thuế tại các Chi Cục là tương đối giống nhau bao gồm những bước cơ bản sau:

- Mở tờ khai hải quan
- Kiểm tra hàng hoá
- Tính thuế
- Thanh toán tiền thuế
- Đội thuế làm thủ tục hoàn thuế, miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp sau khi đã đầy đủ hồ sơ (C/O)

#### ***2.2.2.1. Mở tờ khai hải quan***

Nếu một đơn vị hoặc một cá nhân (chủ hàng muốn xuất nhập khẩu hàng hoá) thì đơn vị cá nhân đó phải khai báo các thông tin liên quan tới lô hàng (số lượng mặt hàng, trị giá, trọng lượng, tiền thuế) thông qua tờ khai hải quan.

Các thủ tục để mở tờ khai hải quan thường được thực hiện tại Chi Cục, nhưng hiện nay cơ chế này khá mở. Các doanh nghiệp hiện nay có thể khai báo trực tiếp tại Chi Cục hoặc có thể đăng kí mở tờ khai hải quan qua mạng theo địa chỉ trang web <http://10.29.224.6/dnkhaidientu.com>. Việc đăng kí thông qua mạng được thực hiện trong quý I năm 2008 tại Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng. Đây là một điểm thu hút các doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài. Khi việc tin học hoá hải quan điện tử thực sự thành công, các

thủ tục hải quan được rút ngắn, giảm bớt chi phí hành thu của cơ quan hải quan và chi phí của các doanh nghiệp khi tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu tại Chi Cục.

#### *2.2.2.2. Kiểm tra hàng hoá*

Là một khâu trong quy trình quản lý và giám sát hải quan.

Hàng hoá sau khi được kê khai và ghi rõ những thông tin liên quan được phân loại hàng hoá thành 3 luồng xanh, vàng và đỏ; tùy thuộc vào hàng hoá thuộc phân luồng nào thì có một cách thức kiểm tra hàng hoá theo thông tư hướng dẫn của chính phủ.

Quá trình kiểm hoá đưa ra các thông tin thực sự chính xác về lô hàng mà doanh nghiệp đã kê khai. từ đó là cơ sở để cơ quan hải quan ra thông báo thuế.

Thực hiện tin học hoá hải quan, khâu kiểm hoá thực hiện phân luồng hàng hoá theo 3 luồng xanh, vàng và đỏ thông qua hệ thống máy vi tính từ đầu năm 2007. Đến nay, hoạt động kiểm tra hàng hoá trở nên thực sự dễ dàng hơn cho các cán bộ thuộc bộ phận kiểm hoá. Các loại mặt hàng thuộc luồng xanh và luồng vàng thì không phải qua quá trình kiểm tra hàng hoá; còn các mặt hàng thuộc luồng đỏ thì buộc phải kiểm tra thí điểm (5%) hoặc toàn bộ tùy thuộc vào mặt hàng xuất nhập khẩu và sự thực hiện của doanh nghiệp.

#### *2.2.2.3. tính thuế*

Đối thuế so sánh kết quả kiểm hoá với tờ khai tính thuế do doanh nghiệp cung cấp, từ đó đưa ra thông báo thuế đối với các doanh nghiệp.

Đây là khâu quan trọng quyết định số thu từ thuế đối với các đơn vị có hàng hoá xuất nhập khẩu là bao nhiêu.

#### *2.2.2.4. Thanh toán thuế*

Doanh nghiệp nộp thuế ngay hoặc theo thời gian ân hạn mà các doanh nghiệp có được đối với từng loại hàng hoá

Các lý do nợ thuế:

- Nợ do loại hình xuất nhập khẩu

- Nợ do được bảo lãnh
- Nợ do cán bộ có trách nhiệm cho phép (Bộ Tài Chính, Chính phủ, ...)

#### 2.2.2.5. Thông quan

Khi các doanh nghiệp hoàn thành những thủ tục trên thì tùy theo mặt hàng mà các cơ quan hải quan ra quyết định thông quan hàng hoá được bảo quản trong kho vận của hệ thống. Ví dụ: mặt hàng xe máy đòi hỏi phải có:

- LIST OF FRAME NUMBER AND ENGINE NUMBER;
- CERTIFICATION OF USING NON-LEAD (PB) PETROL,
- Đặc biệt, phải có giấy đăng kí kiểm tra chất lượng mô tô xe gắn máy và động cơ mô tô xe gắn máy nhập khẩu.

#### 2.2.2.5 Xét miễn thuế, hoàn thuế, truy thu thuế

Sau khi thông quan, các hàng hoá có chế độ miễn thuế, hoàn thuế do chỉ thị hướng dẫn thì sẽ được cơ quan tính toán lại và hoàn lại thuế cho các doanh nghiệp.

Trong trường hợp các mặt hàng xuất nhập khẩu bị đánh với mức thuế suất cao hơn so với trước đó nhưng các văn bản, thông tư trước vẫn còn hiệu lực thì cơ quan thuế thực hiện công tác truy thu thuế, với mức giá tính thuế theo giá trị sử dụng còn lại của các mặt hàng xuất nhập khẩu

Trong thời gian qua Chi Cục sử dụng quy trình quản lý thu thuế kèm cùng với quy trình thủ tục hải quan của toàn Chi Cục. Sau khi cải cách, áp dụng công nghệ thông tin vào quy trình hải quan và kế toán thu thuế xuất nhập khẩu thì thời gian hoàn thành thủ tục hành chính của một lô hàng rút ngắn đáng kể. Trước khi thực hiện cải cách các lô hàng hoàn thành xong ngay trong ngày thường chiếm tỉ lệ thấp, thường phải mất từ 2 đến 3 ngày thì lô hàng mới được thông quan. Sau khi thực hiện đề án cải cách thời gian cho một lô hàng được thông quan giảm rõ rệt. Đối với các lô hàng thuộc luồng xanh (phụ lục 4), thời gian tiếp nhận hay đăng kí tờ khai từ 5 – 10 phút, và thông quan sau khoảng từ 2 – 4 giờ; đối với các lô hàng thuộc luồng vàng, thời gian tiếp nhận đăng kí tờ khai từ 10 – 15 phút, giải phóng hàng sau 4 – 6

giờ; đối với mặt hàng thuộc luồng đỏ, thời gian đăng kí tờ khai tùy trường hợp cụ thể và thời gian giải phóng hàng có thể chậm hơn.

### **2.2.3 Tính thuế**

Phương pháp tính thuế xuất nhập khẩu dựa trên phương pháp khai thực tế. Hay dựa trên các tờ khai, các số liệu sản xuất kinh doanh mà có một phương pháp tính thuế phù hợp. Số thu thuế căn cứ vào mức thuế suất quy định trong biểu thuế, số lượng, chủng loại, cũng như xuất xứ của hàng hoá.

Hoạt động tính thuế và thực thi thu thuế trong Chi Cục trong những năm qua có nhiều thay đổi.

#### *Chế độ kế toán tính và thu thuế*

Chế độ kế toán các khoản thu từ thuế với ngành Hải quan được ban hành theo chỉ thị số 978/CHQ-GQK ngày 13/12/1969. Theo đó từ khi thành lập đến năm 1993, Chi Cục Hải quan thực hiện chế độ kế toán đầu tiên này.

Năm 1993, tình hình thế giới có nhiều biến động, khối chủ nghĩa xã hội tan rã, và xu hướng hội nhập nền kinh tế thế giới của Việt Nam tăng lên. Các chính sách xuất nhập khẩu và chế độ thuế quan trở nên lỗi thời. Ngày 01/04/1993, theo quyết định số 07/TCQH-TC ngày 16/02/1993, chế độ kế toán thuế xuất nhập khẩu ban hành theo quy định này thay đổi cơ bản so với chế độ thu thuế trước đây.

Đây là lần đầu tiên chế độ kế toán tại Chi Cục sử dụng phương pháp kế toán kép, đồng thời hệ thống hoá các nghiệp vụ liên quan. Phương pháp ghi sổ kép theo hình thức Nhật kí sổ cái nhằm ghi chép phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ các nghiệp vụ thu thuế và thu khác đối với các mặt hàng xuất nhập khẩu. Chế độ kế toán thuế xuất nhập khẩu này đã thực sự phát huy vai trò công cụ quản lý nguồn thu của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực thuế và thu khác đối với hàng hoá xuất nhập khẩu. Cụ thể: thông qua việc sử dụng hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán đã quản lý được tất cả các khoản phí, lệ phí, phụ thu, thu phạt vi phạm hành chính, thu tiền bán hàng tịch thu ... không có một khoản thu không được hoạch toán vào trong sổ sách; cung cấp

trương đối đầy đủ, kịp thời, chính xác số liệu và tình hình thu thuế giúp cho ngành Hải quan nắm được thường xuyên số thu của từng đơn vị theo chỉ tiêu:

- Số thuế phải thu
- Số đã nộp cho ngân sách nhà nước
- Số thuế còn nợ đọng theo từng sắc thuế

Từ đó quản lý điều hành dự toán thu.

#### *Chính sách thu thuế xuất nhập khẩu*

Luật thuế xuất nhập khẩu có nhiều sự thay đổi. Trong khoản 2, Điều 28, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005 ghi rõ: “Bãi bỏ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 1991, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 1993, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu năm 1998; bãi bỏ quy định về thuế...”. Có thể không quá 15 năm, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi bổ sung 4 lần, đây chính là sự quan tâm của Đảng và nhà nước đối với ngành Hải quan nói chung và công cuộc cải cách ngành Hải quan nói riêng.

Tuy nhiên thủ tục Hải quan vẫn còn đang cố gắng hoàn thiện. Ví dụ: việc hoàn thuế trong thực tế cần bổ sung về nghiệp vụ kế toán xử lý những trường hợp khách hàng được hoàn thuế ở một nước khác và xin khấu trừ thuế phải nộp ở một nơi khác.

Cơ chế quản lý tài chính về các khoản thu nộp theo quyết định của Bộ Tài chính có khác so với trước như:

- Thu bán hàng tịch thu phải nộp 100% chuyển vào tài khoản của Sở Tài Chính mở tại kho bạc Nhà nước.
- Thu phạt hành chính trong lĩnh vực thuế, nộp 100% vào tài khoản của Hải quan mở tại Kho bạc.
- Trích thưởng khấu trừ chi phí chỉ thực hiện sau khi quyết toán các khoản thu chi.

Trong quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới, bản thân chế độ kế toán thuế xuất nhập khẩu ban hành theo quyết định số 07/1993/TCHQ-TC có nhiều điểm không phù hợp với thực tiễn:

- Phân loại tài khoản
- Tên tài khoản cũ không còn phù hợp với hệ thống phân loại tài khoản, tên tài khoản, số hiệu tài khoản theo chế độ kế toán nhà nước đã cải cách, những chứng từ kế toán, sổ sách, mẫu biểu kế toán không còn phù hợp với quyết định mới của Bộ Tài chính và yêu cầu quản lý của ngành Hải quan.
- Tài khoản kế toán có tài khoản thiếu, có tài khoản thừa.
- Hệ thống biểu mẫu báo cáo còn phức tạp, chưa sát yêu cầu quản lý của các cấp để khắc phục những mặt còn tồn tại nói trên.

Ngày 15/11/2000, Tổng Cục Trưởng Tổng cục Hải quan đã ban hành chế độ kế toán thuế xuất nhập khẩu theo quyết định số 559/QĐ-TCHQ thay thế chế độ kế toán thuế số 07/2003/TCHQ. Chế độ thuế xuất khẩu này được áp dụng thống nhất trong hệ thống mạng thông tin điện tử. Đây là một bước tiến quan trọng trong sự phát triển của Ngành hải quan trong tiến trình hội nhập nền kinh tế thế giới hiện nay

#### ***2.2.4 Tổ chức thu nộp tiền thuế***

Chi Cục Hải quan Nghệ An là đơn vị có thu thuộc Cục Hải quan tỉnh Nghệ An. Hàng năm nguồn thu thuế xuất nhập khẩu tại Chi Cục cho Cục Hải quan Nghệ An là nguồn thu lớn nhất so với các Chi Cục hay đội kiểm soát khác của Tỉnh.

Theo báo cáo tình hình hoạt động của Chi Cục thì từ ngày 01/01/2003 đến ngày 31/12/2007 thì Chi Cục Hải quan Nghệ An đã thu được 79.234 nghìn USD từ hoạt động xuất khẩu và 240.139 nghìn USD từ hoạt động nhập khẩu. Đây có thể coi như là một nguồn thu rất lớn cho Cục Hải quan Nghệ An nói riêng và Ngân sách nhà nước nói chung.

Theo số liệu báo cáo số thu thuế, hay số nộp ngân sách nhà nước của Chi Cục qua 3 năm gần đây, số thuế xuất nhập khẩu hàng hoá thường chiếm phần lớn từ 63,77% đến 71,93%(phụ lục). Do vậy khi xét nguồn thu từ quản lý thuế tại Chi Cục trong chuyên đề tôi chỉ xét đến

a) Về các hoạt động xuất khẩu

Các sản phẩm xuất khẩu thường là đá trắng Block, đá xây dựng các loại, gỗ và các sản phẩm gỗ, và các mặt hàng khác. Thường các hàng hoá xuất khẩu có thuế xuất thấp (theo bảng 1)

Biểu thuế xuất khẩu Các mặt hàng	QĐ39/2006/QĐ- BTC	QĐ106/2007/QĐ- BCT
	Đá trắng Block	0%
Đá xây dựng các loại	7%	7%
Quặng các loại		
- Chưa thiêu kết	67%	15%
- Đã thiêu kết và đã nung	67%	7%
Gỗ và các sản phẩm gỗ	10%	10%

Biểu 1: Biểu thuế xuất khẩu đối với những hàng hoá xuất khẩu tại Chi Cục Hải quan Cửa Khẩu Cảng (Xem chi tiết tại các Biểu thuế tương ứng)

Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là các nguyên vật liệu, và các sản vật mới qua sơ chế. Các mức thuế này là không cao, cao nhất là các loại quặng (67%). Theo quyết định số 106/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính thì mức thuế suất mới đối với các loại quặng có nhiều thay đổi, do quặng và các loại quặng được đưa vào Hiệp định AFTA/CEPT. Thuế suất đối với quặng chưa thiêu kết hay chưa nung (sắt), hay quặng thô (niken, kẽm,...) đã giảm xuống còn 15%, còn đối với các loại quặng đã thiêu kết hay nung (sắt) hay đã được tinh chế thì mức thuế suất còn 7%. Đây có thể nói là một số giảm rất lớn đối với các loại quặng. Nó có thể gây ra nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên của nước ta như trong mức thuế suất trước đây đã đạt được. Tuy nhiên việc phân các loại quặng ra thành kết tinh hoặc chưa kết tinh, thô hoặc tinh chế để đánh thuế tạo điều kiện giúp cho các ngành luyện kim phát triển.

Chính sách giảm thuế đối với các mặt hàng xuất nhập khẩu mới được áp dụng trong quý I trong năm 2008, nên các con số tính toán có thể thâm hụt nguồn thu do giảm thuế gây ra chưa được xác định. Tuy nhiên, khi giảm thuế



xuất khẩu các mặt hàng xuống tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động ngoại thương tăng mạnh hơn, ngoài ra một hy vọng nữa là nguồn thu từ nhập khẩu hàng hoá giúp cân bằng nguồn thu của Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng.

Nguồn thu trong năm 2003 – 2004 từ các mặt hàng xuất khẩu được kê khai chi Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng là một con số khá ấn tượng (bảng 2)

STT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá USD
1	Đá trắng Block	M <sup>3</sup>	3130.64	811.557.67
2	Đá xây dựng các loại	Tấn	151.565	1.484.560
3	Quặng các loại	Tấn	129.006	10.043.108,26
4	Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		34.797.884,13
5	Hàng hoá khác	USD		22.137.933

Bảng 2: Thu từ hàng hoá xuất nhập khẩu trong năm 2003 – 2004

Trong đó:

- Quyết định số 39/2006/QĐ- BTC là quyết định về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu ưu đãi, được quốc hội thông qua vào ngày 28/07/2006

- Quyết định số 106/2007/QĐ-BTC là quyết định về việc ban hành Biểu Thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu ưu đãi đã được sửa đổi vào ngày 20/12/2007

Qua bảng có thể thấy, khối lượng các mặt hàng xuất khẩu đi Việt Nam rất lớn. Khi thuế suất đối với các mặt hàng này là không cao, có thể một nguy cơ ảnh hưởng rất lớn đến tài nguyên thiên nhiên môi trường của Việt Nam, đặc biệt khi công tác kiểm tra Hải quan đối với các mặt hàng này vẫn còn nhiều lỗ hổng (hoạt động buôn lậu gỗ vẫn thường xuyên xảy ra)

b) Các hoạt động nhập khẩu

Các loại mặt hàng nhập khẩu chủ yếu tại Chi Cục Hải quan cửa khẩu Cảng bao gồm: ô tô, xe máy, dầu thực vật, nhựa lỏng Shell với mức thuế suất như bảng

Các mức thuế Các mặt hàng	Thuế phổ thông (Biểu thuế NK)	Thuế nhập khẩu ưu đãi			Thuế ưu đãi đặc biệt (QĐ26)
		QĐ39	QĐ 106	QĐ69, QĐ 70	
Xe máy	120%	90%	90%	-	80
Ô tô	120%	90%	90%	-	80
Dầu thực vật					
-Dầu thô	7.5%	5%	3%	-	-
-Dầu chưa tinh chế	45%	30%	25%	20%	5%
Nhựa lỏng Shell	1%	0%	0%		0%

Bảng 3: Thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng nhập khẩu vào cửa khẩu Cảng

Trong đó:

- Biểu thuế xuất khẩu ban hành Căn cứ Nghị quyết số 977/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo danh mục nhóm hàng chịu thuế

- Quyết định số 39/2006/QĐ- BTC (như trên)

- Quyết định số 106/2007/QĐ-BTC (như trên)

- Quyết định 69/2007/QĐ-BTC, quyết định 70/2007/QĐ-BTC ban hành nhằm quy định mức thuế xuất nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng trong biểu thuế xuất nhập khẩu ưu đãi, ban hành nhằm giảm mức thuế các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu khi giá lương thực thực phẩm tăng cao.

- Quyết định số 26/2007/QĐ-BTC là quyết định về việc ban hành Biểu thuế xuất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc ban hành ngày 16 tháng 4 năm 2007.

Các mặt hàng nhập khẩu vào Cửa Khẩu Cảng Cửa Lò không đa dạng về nhóm các mặt hàng. Trong đó có ô tô và xe máy là có mức đánh thuế cao nhất. Theo số liệu năm 2003 – 2004, các mặt hàng nhập khẩu có số lượng tương đối lớn (bảng 4)

STT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dầu mỡ động thực vật	Tấn	11.235159,53
2	Xăng dầu các loại	Tấn	180.731,55
3	Phân bón	Tấn	1.484.235,04
4	Xe máy	chiếc	47.545
5	Clinker	Tấn	500
6	Ô tô nguyên chiếc các loại	chiếc	120

Bảng 4: Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu vào Chi Cục

Nguồn thu từ thuế nhập khẩu ô tô xe máy là nguồn thu lớn nhất. Trong báo cáo gần đây nhất, Cục Hải quan Nghệ An đã đề nghị Chính phủ cho nhập

khẩu ô tô cũ nhằm tăng mức thu cho ngân sách nhà nước hoàn thành đúng chỉ tiêu đã đề ra.

### **2.3. Đánh giá công tác quản lý thu thuế**

#### **2.3.1. Kết quả đạt được**

Cơ chế quản lý thu thuế của Chi Cục có nhiều thay đổi cho phù hợp với những điều kiện và theo sự chỉ đạo của Cục Hải quan tỉnh Nghệ An

Từ năm 1983 – 1999, quản lý thu thuế theo cơ chế: đối tượng nộp thuế khai báo thông qua tờ khai Hải quan, cơ quan Hải quan tính thuế và gia thông báo số thuế phải nộp và kiểm tra thực hiện chính sách thuế. Phương pháp này có ưu điểm là tính thuế đúng ngay cả đối với các doanh nghiệp, tổ chức mới được thành lập hay không cập nhật kịp thông tin của Chính phủ. Tuy nhiên việc quản lý theo cơ chế này không phát huy được tính tự chủ cũng như trách nhiệm của các doanh nghiệp tổ chức trong quá trình tham gia vào cơ chế này. Đặc biệt, khi lượng doanh nghiệp, tổ chức tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu lớn, các cơ quan Hải quan tốn nhiều công sức làm tăng chi phí hành thu cũng như làm sao nhãng công tác kiểm tra, giám sát.

Từ năm 1999 tới nay, thực hiện theo xu hướng “đơn giản hoá” các thủ tục hải quan, Chi Cục Hải quan cửa khẩu Cảng chuyển đổi sang cơ chế doanh nghiệp tự khai báo, tự tính thuế và tự nộp thuế. Phương pháp này khá mở, các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu phải chủ động thực hiện mọi công việc thực hiện nộp thuế như: tự khai báo, tính thuế, làm hồ sơ xin miễn giảm thuế, hoàn thuế và chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời cũng như kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế của mình. Tuy nhiên số thuế phải nộp do cơ quan Hải quan xác định và ra thông báo thuế. Các cơ quan Hải quan cung cấp dịch vụ tư vấn về thuế cho đối tượng nộp thuế, hướng dẫn giải thích các chính sách, cung cấp thông tin. Hiện nay việc thực hiện chính sách này chưa hiệu quả sự triển khai không đồng bộ về việc cung cấp các thông tin. Tuy việc thực hiện công khai hoá các thủ tục Hải quan, chính sách, chủ trương mới của chính phủ qua báo chí, văn bản và đặc biệt là các trang Web của

chính phủ (trang <http://www.customs.gov.vn> ; <http://www.gdt.gov.vn> ...) nhưng các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự hoạt động hiệu quả theo cơ chế này.

#### 2.3.1.1. Thủ tục Hải quan

Thủ tục Hải quan dựa trên cơ sở nghị quyết 38/CP ngày 4/5/1994 của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính. Từ năm 1995 đến nay, toàn ngành không ngừng cải cách thủ tục, quy trình Hải quan theo 3 hướng: Đơn giản hoá, công khai hoá, và hiện đại hoá

Trong đó:

Đơn giản hoá có nghĩa là bỏ hết tất cả các khâu thủ tục, các giấy tờ không cần thiết khi làm thủ tục Hải quan, hợp lý hoá các quy trình thủ tục Hải quan cho từng loại hình xuất nhập khẩu

Công khai hoá có nghĩa là công khai các quy định về thủ tục Hải quan, lệ phí Hải quan, các quy định về chính sách bộ ngành có liên quan đến hàng hoá xuất nhập khẩu, làm cho tất cả các đối tượng làm thủ tục Hải quan đều nắm rõ được một cách đầy đủ và hiểu về chính sách đó.

Hiện đại hoá là từng bước đưa tiên bộ khoa học kỹ thuật vào áp dụng cho công tác thủ tục Hải quan: khai báo điện tử, khai báo qua mạng, tin học hoá quy trình Hải quan.

Theo đó, Chi Cục Hải quan cửa khẩu Cảng đã đạt được những thành quả rất đáng được ghi nhận như sau

a) Công tác thực thi, áp dụng các văn bản mới

Chi Cục luôn cố gắng thực hiện, áp dụng một cách nhanh chóng các văn bản pháp luật mới được ban hành, luôn cập nhật đóng góp ý kiến của Chi Cục nhằm hoàn thiện các văn bản, cũng như giảm tình trạng chồng chéo, trùng lặp các thủ tục hành chính. Các hồ sơ làm thủ tục Hải quan đơn giản hơn, giảm bớt một số giấy tờ không cần thiết như: bản dịch hợp đồng, L/C, lệnh giao hàng, bảng kê chi tiết đối với hàng hoá đồng nhất, một số giấy tờ khác (giấy chứng nhận kinh doanh trước đây muôn làm thủ tục cho lô hàng nào cũng phải nộp bản sao, nay chỉ nộp khi làm thủ tục Hải quan lần đầu)

b) Ứng dụng khai báo Hải quan điện tử

Áp dụng khai báo Hải quan điện tử, khai báo Hải quan qua mạng trong quy trình thủ tục Hải quan tại Chi Cục thực hiện đồng bộ trong quý I, năm 2008 (cơ sở vật chất hạ tầng, đào tạo đội ngũ cán bộ)

Thời gian hoàn thành thủ tục hành chính của một lô hàng rút ngắn đáng kể. Trước khi thực hiện cải cách các lô hàng hoàn thành xong ngay trong ngày thường chiếm tỉ lệ thấp, thường phải mất từ 2 đến 3 ngày thì lô hàng mới được thông quan. Sau khi thực hiện đề án cải cách thời gian cho một lô hàng được thông quan giảm rõ rệt. Đối với các lô hàng thuộc luồng xanh (phụ lục 4), thời gian tiếp nhận hay đăng kí tờ khai từ 5 – 10 phút, và thông quan sau khoảng từ 2 – 4 giờ; đối với các lô hàng thuộc luồng vàng, thời gian tiếp nhận đăng kí tờ khai từ 10 – 15 phút, giải phóng hàng sau 4 – 6 giờ; đối với mặt hàng thuộc luồng đỏ, thời gian đăng kí tờ khai tùy trường hợp cụ thể và thời gian giải phóng hàng có thể chậm hơn.

Các hiện tượng sách nhiễu gây phiền hà của một số cán bộ Hải quan đối với chủ hàng cũng giảm so với trước đây. Theo báo cáo trong 5 năm trở lại đây thì số người vi phạm có xu hướng giảm từ 20 – 45% số vụ vi phạm.

c) Quy trình thủ tục Hải quan

Quy trình thủ tục Hải quan cũng có những thay đổi đáng kể. Trước năm 1999, quản lý thu thuế chủ yếu bằng cơ chế doanh nghiệp khai báo, cơ quan Hải quan tính thuế và thu thuế.

Sau năm 1999, thì các cơ quan phải tự kê khai thuế, tính thuế nộp thuế, chịu trách nhiệm trước cơ quan Hải quan về tính chính xác trong việc khai báo Hải quan của mình. Cơ chế tự khai, tự nộp được thí điểm từ năm 2004 đối với cục thuế Quảng Ninh, Tp.HCM và từ ngày 1/1/2005 mở rộng ra với cục thuế Hà Nội, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đồng Nai.

Từ ngày 1/9/2005 đến nay, cơ chế này đã được triển khai thêm ba bước, gồm: tăng số doanh nghiệp, cá nhân tự khai tự nộp ở cục thuế Tp.HCM;

thực hiện tự khai, tự nộp với tất cả các sắc thuế; áp dụng tự khai tự nộp đối với một số chi cục thuế địa phương quy mô vừa.

Trong hai năm 2006-2007, cơ chế tự khai, tự nộp dự kiến được mở rộng địa bàn áp dụng và nâng số đối tượng thực hiện. Mục tiêu đến cuối năm 2007 là hầu hết doanh nghiệp sẽ được quản lý theo cơ chế mới và số thu từ việc nộp thuế theo cơ chế mới chiếm khoảng 80% số thu từ doanh nghiệp toàn quốc. Theo đó Chi Cục đã thực hiện thử nghiệm khai báo Hải quan điện tử và kế toán Hải quan điện tử.

Cơ chế tự khai, tự nộp không thể thực hiện đồng loạt, ngay lập tức mà phải nâng dần trình độ và khả năng quản lý của các cán bộ trong Chi Cục. Chi Cục xác định đây là một vấn đề lâu dài cần phải có sự đầu tư thích đáng của chính phủ.

Những đối tượng có thể nộp thuế theo cơ chế mới sẽ được quản lý theo hệ thống cơ sở dữ liệu tin học. Với những đối tượng còn lại, cơ quan thuế thực hiện cơ chế giám sát, quản lý chặt chẽ đầu ra, ấn định thuế, khấu trừ tại nguồn, ủy nhiệm thu

Tuy nhiên, sự vận hành của một cơ chế quản lý mới đòi hỏi những điều kiện đi kèm không thể thiếu như trang bị kiến thức về thuế cho mọi người, công khai và phổ biến trình tự, thủ tục tính, kê khai, nộp thuế và đặc biệt là dịch vụ về thuế.

#### *2.3.1.2. Công tác kế toán thu thuế trong đơn vị*

- Chi Cục đã xây dựng, vận hành và đưa chế độ kế toán thuế xuất nhập khẩu mới thay thế cho chế độ kế toán cũ áp dụng trong thời bao cấp; chất lượng công tác kế toán thuế xuất nhập khẩu được nâng cao một bước mới thích ứng với cơ chế thị trường và cơ chế quản lý mới, đáp ứng được sự điều hành và quản lý vĩ mô đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá

- Đã tạo lập được các tiền đề, điều kiện để từng bước lập lại kỉ cương, trật tự trong công tác kế toán thuế xuất nhập khẩu trong Chi Cục Hải quan. Chế độ kế toán xuất nhập khẩu đã nâng lên một bước

- Xây dựng và hoàn thiện công tác kế toán thuế xuất nhập khẩu, công tác kiểm tra kế toán cũng đã từng bước được Chi Cục quan tâm và đổi mới

#### **2.3.2. Hạn chế**

Việc triển khai thực hiện đề án cải cách ở đơn vị nhìn chung là chậm, một số cán bộ còn chưa thấy hết được ý nghĩa, tầm quan trọng của công cuộc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hải quan

- Chất lượng cán bộ trong vai trò chỉ đạo, tham mưu còn chưa cao
- Một bộ phận nhỏ các cán bộ nhân viên Hải quan còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ và trình độ chưa đáp ứng được nhu cầu
- Hiện tượng gây nhiễu nhiều đã giảm nhưng chưa loại trừ triệt để, nhiều vướng mắc ở khâu nghiệp vụ vẫn chưa được giải quyết kịp thời
- Trang thiết bị kĩ thuật còn yếu, việc áp dụng công nghệ tin học vào công tác quản lý Hải quan tại các khâu như đăng kí tờ khai, quản lý hàng gia công, hàng xuất nhập khẩu tuy được kiểm tra nhưng kết quả còn hạn chế
- Quy trình thu thuế tuy được cải tiến nhưng với việc Hải quan ra thông báo thuế bổ sung khi có kết quả kiểm tra thực tế hàng hoá xuất nhập khẩu gây phức tạp cho công tác quản lý và tổn kém chi phí hành thu
- Những yếu kém trong công tác kế toán thuế xuất nhập khẩu hiện nay trước đòi hỏi của cơ chế thị trường
- Việc bố trí cán bộ còn tùy tiện và không ổn định, thay đổi thường xuyên do tính chất ngành (2 năm chuyển đơn vị công tác một lần)
- Chất lượng cán bộ có tăng nhưng việc trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho công tác kế toán còn thấp
- Việc quản lý theo dõi thuế xuất nhập khẩu, nợ đọng còn thực hiện thủ công, do đó không đảm bảo quản lý chặt chẽ và kịp thời, tình trạng nợ đọng thuế kéo dài còn lớn, tính đến thời điểm 31/12/08 số nợ đọng thuế của Chi Cục Hải quan khoảng 85.6 triệu



### **3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THU THUẾ**

#### **3.1. Phương hoàn thiện quản lý thu thuế tại Chi Cục**

Nghị quyết Đại hội Đảng lần 9 chỉ rõ: “tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình của đất nước và các cam kết quốc tế, nuôi dưỡng nguồn thu, thu đủ theo quy định của pháp luật”. Với chủ chương ba mục tiêu: “Đơn giản hoá”, “công khai hoá”, “hiện đại hoá” nhằm tăng cường công tác quản lý thu của các cơ quan hải quan.

Trước những mục tiêu của toàn ngành, công tác quản lý thuế tại Chi Cục hải quan Cửa Khẩu Cảng có định hướng phát triển như sau:

##### ***3.1.1. Về tài chính:***

Thường xuyên xem xét, báo cáo các nguồn thu từ hàng hoá xuất nhập khẩu

##### ***3.1.2. Về xã hội:***

Công khai hoá các thủ tục cũng như các nghị định thông tư mà Chính phủ ban xuống, động viên các thành phần kinh tế tham gia hoạt động xuất nhập khẩu

##### ***3.1.3. Về pháp lý:***

Có sự thực hiện một cách nhất quán rõ ràng từ Luật thuế tới nghị định, thông tư, đảm bảo được cách hiểu và cách làm thống nhất; thực hiện cưỡng chế đối với các đối tượng nộp thuế

##### ***3.1. 4. Về tổ chức quản lý:***

Khẩn trương thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng khắc phục các thủ tục gây phiền hà, không cần thiết cho các đối tượng nộp thuế, nhưng điều đó không có nghĩa là buông lỏng quản lý, tạo sơ hở cho các doanh nghiệp lợi dụng trốn thuế

#### **3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện**

***3.2.1. Nâng cao hiệu quả cơ chế đối tượng nộp thuế tự khai tự tính và tự nộp thuế.***

Một phương pháp nâng cao khá hiệu quả và được nhà nước sử dụng chủ yếu là sử dụng phương pháp tuyên truyền, giáo dục và đặc biệt thực hiện

tốt công tác làm dịch vụ tư vấn về thuế xuất nhập khẩu cho các đối tượng nộp thuế. Từ đó, các đối tượng này có thể thực hiện một cách chính xác những thông tin cung cấp cho Chi Cục khi xuất hoặc nhập khẩu hàng hoá tại Cửa Khẩu Cảng, đồng thời nâng cao tính tự giác và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế.

### ***3.2.2. Đẩy mạnh tin học hoá vào các quy trình quản lý thu thuế xuất nhập khẩu tại Chi Cục Hải quan Cửa Khẩu Cảng***

Trong quý I năm 2008, Chi Cục Hải quan thực hiện quy trình hải quan điện tử đã cẩn thận từng bước thực hiện từ năm 2007. Đây là cơ hội cho Chi Cục hoàn thiện cơ chế khai hải quan điện tử, thực hiện tin học hoá Chi Cục theo hướng xây dựng một hệ thống thu thập và xử lý số liệu tờ khai hải quan, hệ thống quản lý đối tượng nộp thuế và theo dõi nợ thuế, hệ thống quản lý thông tin vi phạm hải quan, hệ thống các doanh nghiệp bị cưỡng chế thuế, hệ thống thông tin dữ liệu giá tính thuế.

### ***3.2.3. Tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội.***

Nhờ đó các cơ quan hải quan có thể quản lý các đối tượng nộp thuế một cách dễ dàng hơn. Đồng thời các cơ quan, tổ chức cá nhân khác có trách nhiệm giúp đỡ các cơ quan hải quan và các đối tượng nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ của mình.

Các cơ quan, tổ chức như: uỷ ban nhân dân, ngành thuế, ngành hải quan, các cơ quan thông tin đại chúng ...

### ***3.2.4. Hoàn thiện và thực hiện đúng quy trình thu thuế xuất nhập khẩu***

Hiện nay, Chi Cục đã áp dụng quy trình thu thuế xuất nhập khẩu theo quy trình doanh nghiệp tự khai, tự tính và tự nộp thuế, tuy nhiên việc kiểm tra lại các tờ khai và ra quyết định thông báo thuế gây nhiều chi phí hành thu của Chi Cục. Có thể sử dụng giải pháp: áp dụng thí điểm cho các doanh nghiệp làm ăn đúng đắn, ít sai sót trong khai báo với thực tế hàng xuất nhập khẩu, không cần ra thông báo thuế đối với trường hợp này. Chỉ kiểm tra thực tế

hàng hoá khi kiểm tra thực tế hàng hoá xuất nhập khẩu đối với các trường hợp được ân hạn về thời gian nộp thuế. Tuy nhiên các chính sách bộ luật còn thiếu những khoản xử lý vi phạm loại này chính vì vậy khi áp dụng thí điểm đối với một số doanh nghiệp cần được sự đồng ý của Cục hải quan hoặc Tổng Cục Hải quan nhằm tránh tình trạng các doanh nghiệp lợi dụng sơ hở để trốn, lậu thuế.

### ***3.2.5. Tăng cường hiệu quả quản lý của chế độ kế toán thuế xuất nhập khẩu***

Triển khai áp dụng đồng bộ tin học vào công tác kế toán, tiêu chuẩn hoá và ổn định các cán bộ làm công tác kế toán, đầu tư nâng cao chất lượng các cán bộ làm công tác kế toán, đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán, đồng thời có những khuyến khích vật chất, tinh thần đối với cán bộ làm công tác này

### ***3.2.6. Cải tiến nội dung và quy trình ở khâu kiểm hoá***

Khi cơ chế doanh nghiệp tự khai, tự tính và tự nộp thuế thì khâu kiểm hoá chiếm vị trí quan trọng số 1 và là cơ sở để các khâu sau. Đây cũng chính là nghiệp vụ quan trọng của ngành hải quan, sự thất thu thuế về lượng hàng, gian lận thương mại có ngăn chặn được hay không cũng nhờ khâu kiểm hoá

Về thủ tục kiểm hoá:

Để đảm bảo thông thoáng trong thủ tục hải quan, hiện nay tại Chi cục đã sử dụng phân loại các hàng hoá thành 3 luồng: luồng đỏ, luồng vàng và luồng xanh. Tuy nhiên cần đảm bảo thực hiện cải tiến các khâu trong hải quan. Hàng nguyên đai kiện, mặt hàng đóng thống nhất, hàng nhập khẩu nguyên liệu, gia công nước ngoài,... đều được phép kiểm đại diện (5% kiện hàng), giải phóng hàng nhanh nhưng vẫn phải đảm bảo quản lý chặt chẽ. Các lô hàng có dấu hiệu sai phạm hoặc chủ hàng thường sai phạm thì có thể kiểm tra từ 10% hoặc 100% lô hàng, và theo dõi trên mạng vi tính của toàn Cục. Mặt khác đối với các mặt hàng mà nhà nước quy định phải dán tem nhập khẩu thì đương nhiên phải kiểm hoá 100% (rượu, các sản phẩm ô tô, xe máy ...)

Quy trình kiểm hoá:

Hàng đóng trong container cần hai cán bộ kiểm hoá cùng với chủ hàng hay người đại diện nhận hàng, kiểm tra niêm phong kẹp chì của nhà sản xuất nước ngoài và kẹp chì kho bãi hải quan, nếu còn nguyên đai kiện thì tiến hành mở kiểm, tùy từng loại hàng, từng trường hợp cụ thể có thể kiểm đại diện hoặc toàn bộ, tránh gây phiền nhiễu cho khách hàng

Phương tiện kiểm hoá:

Tiếp tục thực hiện phân loại hàng hoá theo 3 luồng: luồng xanh, luồng đỏ, luồng vàng thông qua mạng máy vi tính đang được các cán bộ tại Chi Cục sử dụng. Mặt hàng nào không xác định hoặc theo quy định của nhà nước phải trung cầu giám định, yêu cầu chủ hàng lấy mẫu đưa giám định.

Người kiểm hoá:

Nên thường xuyên có các cuộc tập huấn, lớp tập huấn về nghiệp vụ kiểm hoá giúp cập nhật kịp thời hơn cho các cán bộ kiểm hoá.

Tổ chức thanh tra sau kiểm hoá:

Tăng cường công tác thanh tra sau kiểm hoá là một biện pháp quan trọng chống thất thu thuế xuất nhập khẩu vì công tác thanh tra kiểm tra thuế là một công tác phức tạp, việc sai sót là có thể xảy ra. Ngoài ra tổ chức thanh tra sau kiểm hoá cùng với các hoạt động khác tạo thành một thể thống nhất với quá trình quản lý thu thuế

### **3.2.7. Xử lý truy thu thuế còn nợ đọng**

Số nợ đọng của các doanh nghiệp có thể phân thành nhiều loại và các tính huống xử lý như sau:

- Nợ của các doanh nghiệp đang hoạt động bình thường, và việc nộp chậm không có lý do khách quan. Đối với loại nợ này cần phải có thái độ kiên quyết buộc các doanh nghiệp nộp thuế như: trích từ tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp mở tại các ngân hàng, thu các hàng hoá xuất nhập khẩu, kê biên tài sản, cưỡng chế làm thủ tục hải quan (kiểm tra 100% lô hàng) ...

- Nợ được khoan, được giãn. Đối với trường hợp này doanh nghiệp phải có những cam kết và lập kế hoạch trả nợ đúng hạn. tuy nhiên khi doanh nghiệp phát sinh nợ quá hạn thì có thể áp dụng những chế độ tài chính như đã nói ở trên

- Nợ được xoá. Đối với một số trường hợp các khoản nợ của doanh nghiệp, tổ chức đủ điều kiện để tiến hành xoá nợ thì xoá nợ ngay lập tức.

- Nợ của các doanh nghiệp đã phá sản, giải thể. Tùy từng trường hợp, lý do mà doanh nghiệp giải thể, phá sản; đối với các doanh nghiệp phá sản theo quy định của Luật phá sản khi vẫn còn nợ đọng thuế thì cho phép xoá nợ. Trường hợp các doanh nghiệp giải thể, chia tách hay sát nhập thì lượng thuế này vẫn được thu theo quy định nhà nước.

- Nợ của các doanh nghiệp không còn địa chỉ. Đối với loại nợ này, Chi Cục phải phối hợp với các cơ quan chức năng khác như: Sở kế hoạch và đầu tư, Công An, Thuế ... để xử lý, truy thu thuế đối với các cá nhân là người đại diện doanh nghiệp, hoặc chủ doanh nghiệp (người đầu tư vốn thành lập doanh nghiệp)

- Nợ của các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ hoặc không có khả năng thu do nguyên nhân khách quan. Đối với loại nợ này theo quy định cho phép khoan nợ

- Nợ của các doanh nghiệp không thanh toán do nguyên nhân chủ quan. Đối với các trường hợp này Chi Cục phải có sự đồng ý của Cục Hải quan Nghệ An để có thể sử dụng những biện pháp mạnh như: phong toả tài khoản ngân hàng, kê biên tài sản, đưa lên các phương tiện thông tin đại chúng. Nếu doanh nghiệp vẫn tiếp tục không chịu nộp thuế, có thể truy tố ra toà án về tội trốn thuế

- ...

### **3.3. Một số điều kiện để thực thi kiến nghị thành công**

#### ***3.3.1. Con người***

Điều kiện tiên quyết bao trùm có ý nghĩa quyết định đến việc thực thi các giải pháp chính sách nhằm tăng cường quản lý thuế xuất nhập khẩu đó là yếu tố con người. Do, mọi công tác suy cho cùng là quản lý con người, chính vì vậy cần một sự đầu tư toàn diện, thoả đáng cho con người trong bộ máy quản lý, thi hành thuế xuất nhập khẩu. Đây là một sự đầu tư bền vững

#### ***3.3.2. Trang thiết bị cơ sở vật chất***

Điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị kĩ thuật phải được đặt ra khi điều kiện con người đã được thoả mãn (một phần hoặc hoàn toàn, người giỏi chuyên môn nghiệp vụ, trong sáng về đạo đức, có bản lĩnh, có lập trường tư tưởng vững vàng ...). Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý thu thuế tại Chi Cục. Đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất tạo điều kiện cho quy trình quản lý thu thuế hiệu quả và nhanh chóng.

#### ***3.3.3. Nâng cao vai trò chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền***

Phối hợp với các cơ quan ban ngành địa phương và việc hoàn thiện cũng như nâng cao bản thân vai trò chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền (ở đây là UBND, Cục Hải quan Nghệ An) là điều kiện tiên quyết đối với công tác quản lý thu thuế xuất nhập khẩu trên địa bàn quản lý, cũng như sự ủng hộ của quần chúng nhân dân.

- Các đơn vị căn cứ vào nội dung, lộ trình và phân công chủ động xây dựng đề án tổ chức triển khai theo đúng yêu cầu đề ra;
- Đề án xây dựng cần chú ý xác định một cách đầy đủ các điều kiện đảm bảo thực thi từ đó có kế hoạch bố trí nguồn lực cho phù hợp.

## KẾT LUẬN

Trong những năm qua, hoạt động quản lý thuế tại Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng đã và đang đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Những thay đổi trong công tác thu và quản lý thu thuế của Chi Cục là những thay đổi phù hợp với sự thay đổi của nền kinh tế và sự phát triển của đất nước hội nhập với nền kinh tế thế giới và khu vực

Quá trình “đơn giản hóa”, “minh bạch hoá”, “hiện đại hoá” theo chủ trương của Đảng và Nhà nước có ảnh hưởng rất lớn tới quá trình thu và quản lý thu thuế tại Chi Cục. Theo đó, từ năm 2007, Chi Cục đã từng bước triển khai và hoàn thiện. Đây có thể coi là một bước tiến trong quá trình đồng bộ đưa tin học hoá hải quan trên các mặt khai hải quan điện tử, thu và quản lý thu thuế, kiểm hóa, quản lý các tổ chức, các doanh nghiệp trên hệ thống mạng thông tin hải quan trong toàn quốc.

Vấn đề mà Chi Cục đang gặp phải lúc này là việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình thu thuế, thực hiện công tác kiểm tra giám sát hải quan mới được áp dụng trong Quý I năm 2008. Vấn đề đó trở nên khó khăn phức tạp hơn do tính quan liêu và bộ máy hành chính với quá nhiều cơ quan tham gia vào quá trình hoạt động của công tác quản lý thu thuế xuất nhập khẩu. Điều này làm cho việc hiện đại hoá chậm, gây khó khăn và cản trở cho công tác quản lý thu của Chi Cục cũng như của các doanh nghiệp bước đầu tiếp xúc với quy trình mới này.

Hai hoạt động thu thuế và hoạt động kế toán thu thuế là 2 hoạt động đi liền và có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau. Chính vì vậy, khi áp dụng quá trình quản lý thu thuế theo hướng hải quan điện tử phải quan tâm tới cả 2 quy trình phải thực hiện song song đó là hiện đại hoá quy trình khai báo, kiểm tra, giám sát, quản lý đối tượng nộp thuế bên cạnh quá trình áp dụng tin học vào kế toán trong ngành hải quan.

Quá trình tin học hoá này đòi hỏi sự quan tâm một cách sát sao của Tỉnh, Hải quan Nghệ An nhằm đưa ra những giải pháp tốt nhất cho Chi Cục khi gặp phải các vướng mắc trong quá trình áp dụng.

# MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
<b>1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THU THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU. 4</b>	
<b>1.1. Thuế xuất nhập khẩu .....</b>	<b>4</b>
1.1.1. Khái niệm và lịch sử phát triển.....	4
1.1.2. Mục tiêu của thuế xuất nhập khẩu.....	6
1.1.3. Các đặc điểm của thuế xuất nhập khẩu .....	7
1.1.4. Các yếu tố của thuế xuất nhập khẩu .....	8
1.1.5. Các yêu cầu chính sách thuế xuất nhập khẩu.....	9
1.1.6. Các dạng thuế xuất nhập khẩu.....	10
<b>1. 2. Quản lý thu thuế xuất nhập khẩu tại các Chi cục hải quan .....</b>	<b>12</b>
1.2.1. Khái niệm.....	12
1.2.2. Căn cứ pháp lý của quản lý thu thuế xuất nhập khẩu .....	13
1.2.2.1. Quy định xác định lượng hàng tính thuế .....	13
1.2.2.2. Quy định về giá tính thuế .....	14
1.2.2.3. Quy định về áp mã số thuế và thuế xuất nhập khẩu.....	17
1.2.3. Nội dung cơ bản của công tác quản lý thu thuế.....	20
1.2.3.1 Quản lý đối tượng nộp thuế.....	20
1.2.3.2 Xây dựng và lựa chọn quy trình quản lý thu thuế .....	21
1.2.3.3 Tính thuế.....	21
1.2.3.4 Tổ chức thu nộp tiền thuế.....	22
1.3. Quản lý thu thuế quan tại các đơn vị cơ sở trong xu hướng hội nhập kinh tế thế giới ở Việt Nam.....	22
<b>2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU THUẾ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG (Cửa Lò, Nghệ An).....</b>	<b>23</b>
2.1. Giới thiệu tổng quan về Chi Cục Hải quan cửa khẩu Cảng (Cửa Lò, Nghệ An) .....	23
2.2. Thực trạng quản lý thu thuế tại Chi Cục Hải quan Cửa Khẩu Cảng .....	24
2.2.1. Quản lý đối tượng nộp thuế.....	24
2.2.2. Xây dựng và lựa chọn quy trình quản lý thu thuế.....	26
2.2.2.1. Mở tờ khai hải quan.....	26
2.2.2.2. Kiểm tra hàng hoá .....	26
2.2.2.3. Kế toán thu thuế tại chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng.....	27
2.2.2.4. Thanh toán thuế .....	27
2.2.2.5. Thông quan .....	28
2.2.2.5 xét miễn thuế, hoàn thuế, truy thu thuế.....	28
2.2.3 Tính thuế.....	29



Từ đó quản lý điều hành dự toán thu.....	30
<b>2.2.4 Tổ chức thu nộp tiền thuế</b> .....	31
Bảng 4: Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu vào Chi Cục .....	35
<b>2.3. Đánh giá công tác quản lý thu thuế</b> .....	36
<b>2.3.1. Kết quả đạt được</b> .....	36
2.3.1.1. Thủ tục Hải quan .....	37
2.3.1.2. Công tác kế toán thu thuế trong đơn vị .....	39
<b>2.3.2. Hạn chế</b> .....	39
<b>3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THU THUẾ</b> .....	<b>41</b>
<b>3.1. Phương hoàn thiện quản lý thu thuế tại Chi Cục</b> .....	41
3.1.1. Về tài chính: .....	41
3.1.2. Về xã hội:.....	41
3.1.3. Về pháp lý: .....	41
3.1. 4. Về tổ chức quản lý: .....	41
<b>3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện</b> .....	41
3.2.1. Nâng cao hiệu quả cơ chế đối tượng nộp thuế tự khai tự tính và tự nộp thuế .....	41
3.2.2. Đẩy mạnh tin học hoá vào các quy trình quản lý thu thuế xuất nhập khẩu tại Chi Cục Hải quan Cửa Khẩu Cảng .....	42
3.2.3. Tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội.....	42
3.2.4. Hoàn thiện và thực hiện đúng quy trình thu thuế xuất nhập khẩu ..	42
3.2.5. Tăng cường hiệu quả quản lý của chế độ kế toán thuế xuất nhập khẩu .....	43
3.2.6. Cải tiến nội dung và quy trình ở khâu kiểm hoá .....	43
3.2.7. Xử lý truy thu thuế còn nợ đọng .....	44
<b>3.3. Một số điều kiện để thực thi kiến nghị thành công</b> .....	46
3.3.1. Con người .....	46
3.3.2. Trang thiết bị cơ sở vật chất .....	46
3.3.3. Nâng cao vai trò chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền .	46
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>47</b>

## PHỤ LỤC

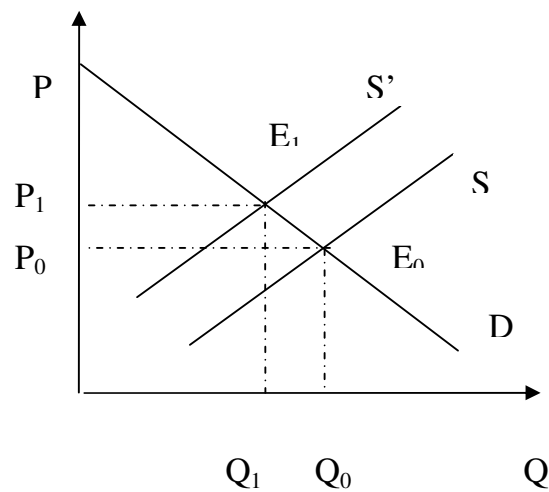
### Phụ lục 1:

Phần thuế người tiêu dùng phải nộp thuế khi tiêu dùng hàng hoá xuất nhập khẩu

Ở hình bên biểu thị khi đánh thuế xuất nhập khẩu là  $t$  thì đường cung hàng hoá trong nền kinh tế dịch chuyển sang bên trái. Nền kinh tế cân bằng tại  $E_0(Q_0, P_0)$  dịch chuyển sang điểm cân bằng  $E_1(Q_1, P_1)$ , và người tiêu dùng phải chịu thêm 1 khoản thuế đóng cho chính phủ là

$$t = P_1 - P_0.$$

Và số thuế mà người tiêu dùng trả cho Nhà nước khi tiêu dùng hàng hoá này là diện tích  $P_1P_0E_0E_1$



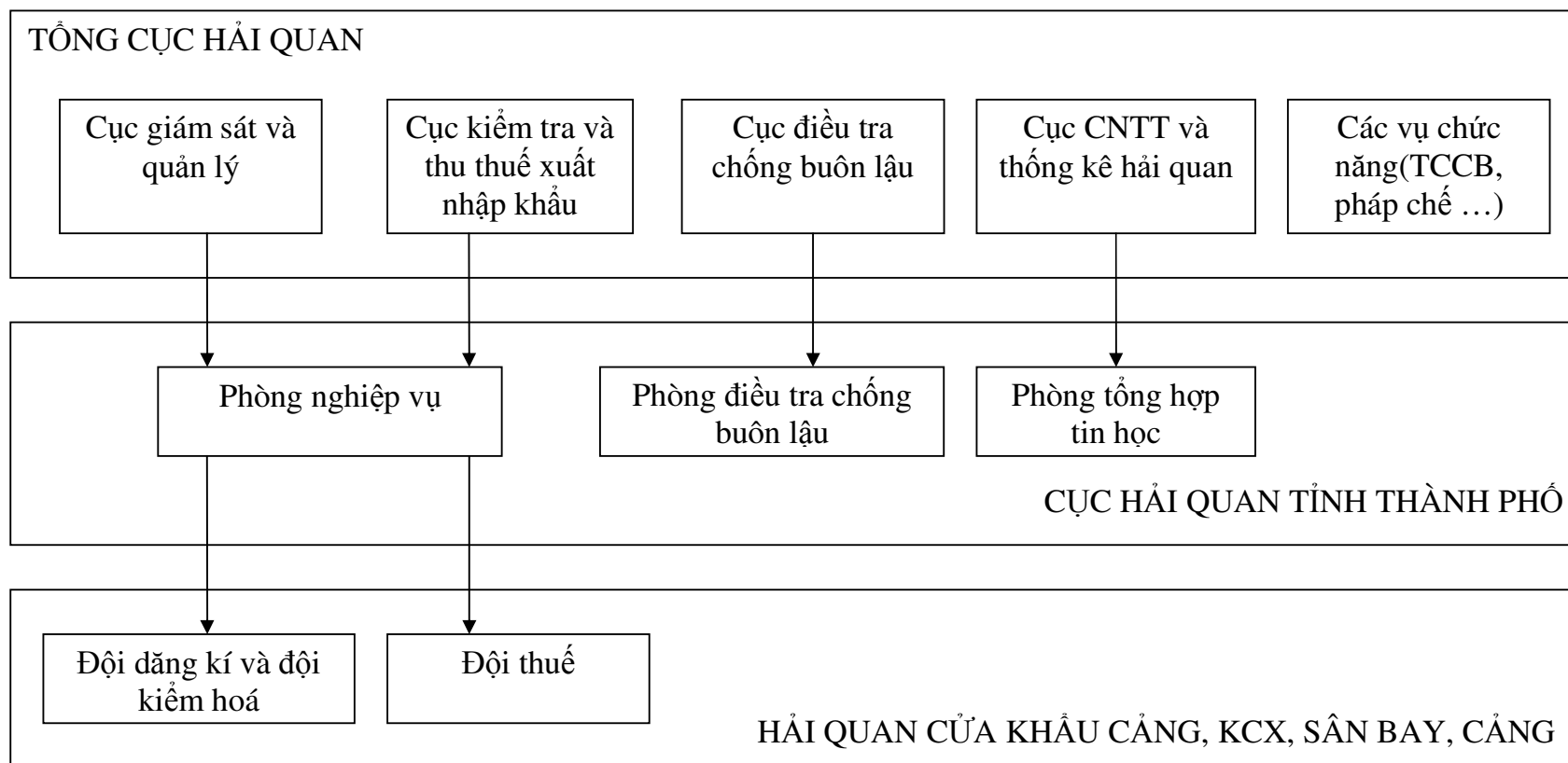
Phụ lục 2:

Giá tính thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu đã đưa vào sử dụng tại Việt Nam

Giá tính thuế hàng hoá tính theo giá trị sử dụng còn lại tại thời điểm truy thu thuế, và được giám định theo kết quả giám định chất lượng hàng hoá của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

Giá trị sử dụng còn lại (%)	< 30	30 -50	50 -70	70-85	>85
Tỉ lệ giá tính thuế đối với giá nhập khẩu hàng mới (%)	10	20	30	45	60

Phụ lục 3: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÀNH HẢI QUAN



Phụ lục 4:

**CÁC KHOẢN THU**  
**TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG (Năm 2006 - 2008)**

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Năm	2006	2007	01/01/08 đến 14/01/08
Các khoản thu			
Tổng các khoản thu	328.131	520.387	62.3637
- Thuế xuất khẩu	-	278.217	54.62
- Thuế nhập khẩu	235.972	332.102	0.0605
- Thuế giá trị gia tăng	81.655	147.996	40.5
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.391	40.280	13.8

Phụ lục 5:

**CÁC KHOẢN NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (2006 - 2008) CỦA**  
**CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG**

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Năm	2006	2007	01/01/2008 đến 01/2008
Các khoản			
Tổng số nộp ngân sách	328.034	520.706	
- Thuế xuất khẩu	-	0.278217	0.077
- Thuế nhập khẩu	235.972	332.103	11.331
- Thuế giá trị gia tăng	81.655	147.996	7.3
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.391	40.2798	>4

**PHỤ LỤC 6: BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN KẾ TOÁN THUẾ**

Số hiệu tài khoản	TÊN TÀI KHOẢN, TIÊU KHOẢN	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Luỹ kế phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
<b>CÁC TÀI KHOẢN TRONG BẢNG</b>									
111	Tiền mặt								
112	Tiền gửi kho bạc								
113	Tiền đang chuyển								
314	Thanh toán với đối tượng nộp thuế								
315	Phải thu về thuế tạm thu								
316	Thuế tạm thu thanh khoản								
318	Thanh toán với đối tượng nộp thuế								
319	Thanh toán vi phạm hành chính								
333	Thanh toán thu nộp với ngân sách								
334	Ghi thu ngân sách								
335	Phải hoàn thuế tạm thu								
336	Phải hoàn thuế chuyên thu và thu khác								
338	Các khoản phải trả								
343	Thanh toán vãng lai với đơn vị dự toán								
344	Thanh toán vãng lai với sở tài chính								
354	Điều chỉnh giảm số phải thu								
355	Số chuyển đến khấu trừ								
715	Số thu thuế tạm thu								
716	Số thu thuế								
717	Số truy thu thuế								
718	Số thu phí, lệ phí hải quan								
719	Số thu phạt								
720	Số thu bán tiền, hàng tịch thu								